**TUẦN 9**

***Ngày giảng: Thứ Hai ngày 30 tháng 10 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 41)**

**ĐỀ - XI - MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông, biết kí hiệu của đề-xi-mét vuông:dm2.

- Biết đổi và tính toán với các số đo diện tích (cm2,dm2

- Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu bài tập

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu(3’)**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?  - Tại sao bạn bạn Rô-bốt lại nói như vậy?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS quan sát.  + Hai bạn đang nói chuyện diện tích của nền nhà được lát bởi các ô gạch hình vuông có cạnh 1cm là 100 xăng-ti-mét vuông hay 1 đề-xi-mét vuông.  - HS suy ngẫm.  - HS ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức: (12’)**  ***a. Ôn tập về xăng- ti- mét vuông:***  + Yêu cầu HS vẽ một hình vuông có diện tích là 1cm2.  + 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu xăng- ti- mét?  ***b. Giới thiệu đề- xi- mét vuông (dm2)***  - GV treo hình vuông có diện tích là1dm2 lên bảng và giới thiệu: Để đo diện tích các hình người ta còn dùng đơn vị là đề- xi- mét vuông.  - Hình vuông trên bảng có diện tích là 1dm2.  - Yêu cầu HS thực hiện đo cạnh của hình vuông.  +Vậy 1dm2 chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  +Dựa vào kí hiệu xăng- ti- mét vuông, nêu cách viết kí hiệu đề- xi- mét vuông? (GV ghi bảng: dm2)  - GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm2, 3dm2, 24dm2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên.  \* Mối quan hệ giữa cm2 và dm2  - Hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 10cm.  - 10 cm bằng bao nhiêu đề- xi- mét?  ***\*KL: Vậy hình vuông cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 1dm.***  + Hình vuông có cạnh 1dm có diện tích là bao nhiêu?  - Vậy 100cm2 = 1dm2.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ để thấy hình vuông có diện tích 1dm2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm2 xếp lại.  - GV yêu cầu HS vẽ HV có diện tích 1dm2. | - HS vẽ ra giấy kẻ ô.  - 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm.  - HS quan sát  - HS đồng thanh: đề- xi- mét vuông  - Cạnh của hình vuông là 1dm.  + Cạnh dài 1 dm  + Là kí hiệu của đề- xi- mét viết thêm số 2 vào phía trên, bên phải (dm2).  - Một số HS đọc trước lớp.  - HS tính và nêu: S= 10cm x 10cm = 100cm2  - HS: 10cm = 1dm.  *+ Là 1dm2.*  - HS đọc: 100cm2 = 1dm2.  - HS vẽ vào giấy HV: 10cm x 10cm. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc.  - HS thực hiện.  440 dm2: Bốn trăm bốn mươi đề-xi-mét vuông  1005 dm2: Một nghìn không trăm linh năm đề-xi-mét vuông  1000 dm2: Một nghìn đề-xi-mét vuông  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.  - HS theo dõi |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành bài và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn.  - GV nhận xét, chốt câu trả lời.  + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số.  + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó.  (VD: 8 dm2 = 800cm2  nên ta có 800cm2 = 8 dm2)  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  3dm2 = 300cm2300cm2 = 3dm2  6dm2 = 600cm2600cm2 = 6dm2  6dm2 50cm2 = 650 cm2  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ đáp án. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - Gọi HS nêu cách tính tìm đáp án  - Khi so sánh số đo diện tích cần lưu ý gì?  - GV cùng HS nhận xét | - HS đọc.  - HS so sánh diện tích hình vuông và diện tích HCN  - HS thảo luận theo cặp.  - HS chia sẻ đáp án.(B)  - HS nêu. (Tính diện tích của 2 hình sau đó so sánh số đo diện tích)  S hình vuông = 2 × 2 = 4 dm2  S hình chữ nhật = 80 × 5 = 400  = 4 dm2  - Cùng đơn vị đo |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  - Một hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 8cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó theo đơn vị đề-xi-mét vuông?  - Nhận xét tiết học. | - HS làm bài |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐẠO ĐỨC (Tiết 9)**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS biết.

- Khái quát hoá lại những kiến thức đã học từ tuần 1-8 (bài 1 và bài 2).

- Biết vận dụng những kiến thức đã học để làm 1số bài tập.

- Hình thành những kỹ năng, ứng xử trong cuộc sống hằng ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Bảng con, phiếu học tập. thẻ màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ Mở đầu (3’)**  -GV tổ chức cho HS hát tập thể bài: “Lớp chúng mình”.  -GV dẫn dắt vào bài mới.  **2.HĐ Luyện tập (27’)**  -Y/C HS thực hiện 1 số bài tập sau:  **Bài 1**: Em hãy bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến dưới đây:  - Trung thực trong học tập chỉ thiệt cho mình.  - Thiếu trung thực trong học tập là giả dối.  - Trung thực trong học tập là thể hiện lòng tự trọng.  - Giấu điểm kém, chỉ báo điểm tốt với bố mẹ.  **Bài 2**: Hãy tự liên hệ và trao đổi với các bạn về việc em đã vượt khó trong học tập..  -GV nhận xét.  **Bài 3:**Khoanh tròn trước ý em cho là đúng.  a)Em bị cô giáo hiểu lầm và phê bình; em giận dỗi và không muốn đi học.  b) Trẻ em cần lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác.  c) Trẻ em có quyền mong muốn, có ý kiến riêng về các vấn đề có liên quan đến trẻ em.  d) Em được phân công làm một việc không phù hợp với khả năng; em im lặng nhưng bỏ qua không làm.  **Bài 4:**Em hãy nêu những việc cần làm để thể hiện tiết kiệm tiền của  - GV n/xét, tuyên dương...  **Bài 5**: Em hãy điền các từ ngữ: tiết kiệm, hoài phí,thời giờ vào chỗ trống trong các câu sau phù hợp.  .......... là thứ quí nhất. Cần phải................. thời giờ ; không được để thời giờ trôi qua một cách..................  **3.Vận dụng, trải nghiệm (3’)**  -GV tổ chức trò chơi: “Doraemon và chiếc bánh rán”.  +GV nêu tên, luật chơi.  +GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.  +GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc.  - GV nhận xét tiết học.  Nhận xét nội dung ôn tập gắn chủ đề năm học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | -HS hát.  - HS ghi đề bài vào vỡ học.  - HS suy nghĩ và trả lời bằng thẻ màu.  \* Tán thành: Thẻ đỏ.  \* Không tán thành: Xanh.  - Trao đổi nhóm 2  - Gọi vài HS đọc bài làm của mình.  - nhận xét, bổ sung.  -HS làm cá nhân.  -N/xét bài của bạn.  - HS làm bảng con  -HS thảo luận N4.  -Đại diện nêu kết quả.  -Cả lớp n/xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Ba ngày 30 tháng 10 năm 2023***

**TOÁN(tiết 42)**

**ĐỀ - XI - MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọcmét vuông, viết " m2".

- Biết chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích m2, dm2, cm2.

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu(3’)**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Ba bạn thử tính diện tích nền nhà bằng đơn vị đo nào?  + Có đơn vị đo diện tích nào lớn hơn xăng-ti mét vuông và đề-xi-mét vuông không?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS quan sát.  + Ba bạn Nam, Mai và Rô-bốt; bạn Nam đang đo nền nhà.  + Xăng-ti mét vuông, đề-xi-mét vuông  + HS suy ngẫm  - HS ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức(12’)**  - GV treo lên bảng hình vuông có diện tích là 1m2 và được chia thành 100 hình vuông nhỏ, mỗi hình có diện tích là 1 dm2.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  + Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu?  + Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu?  + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?  + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?  + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dm.  **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2 và dm2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mét vuông. Mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m. (GV chỉ hình)**  **- Mét vuông viết tắt là m2.**  + 1m2 bằng bao nhiêu đề- xi- mét vuông?  - GV viết lên bảng: 1m2 = 100dm2 | - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  + Hình vuông lớn có cạnh dài 1m (10 dm).  + Hình vuông nhỏ có độ dài là 1dm.  + Gấp 10 lần.  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1dm2.  + Bằng 100 hình.  + Bằng 100dm2.  - HS đọc: Mét vuông  + 1m2 = 100dm2. |
| **3. Luyện tập, thực hành(15’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS chọn số đo phù hợp cho cách đọc.  - Gọi 1 HS làm bảng phụ, chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc.  - HS thực hiện.  - HS làm bài, chia sẻ.  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi ước lượng đơn vị đo diện tích của các đồ vật.  - GV hướng dẫn HS:  + Sắp xếp diện tích các đồ vật theo thứ tự tăng dần.  + Sắp xếp số đo diện tích theo thứ tự tăng dần.  - Gọi đại diện 2 nhóm trình bày.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS tìm hiểu, trao đổi cặp đôi hoàn thành yêu cầu.  + Cục tẩy < bìa sách < mặt bàn  + 6 cm2< 6 dm2<1m2  - HS trình bày. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ theo nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ? Khi đổi số đo diện tích từ đơn vị ta làm như thế nào. mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  1 m2= 100dm2 1 m250dm2=150dm2  1dm2 =100cm24 m220dm2= 420dm2  500dm2=5 m23m29dm2= 309 dm2  - HS chia sẻ đáp án.  - Ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm(3’)**  GV tổ chức trò chơi: “Khám phá đại dương”.  +GV nêu tên, luật chơi.  +GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.  +GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS thực hiện trò chơi.  - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 57+58)**

**Tiết 1 – 2: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học; bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc.

- Hiểu nội dung bài đọc. Bước đầu biết tóm tắt văn vản, nêu được chủ đề của văn vản.

- Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dạng, điệu bộ, hành động,.. thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật.

- Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao yêu thích văn bản, ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng.

- Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng.

- Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV yêu cầu HS nêu lại các chủ đề đã học. | - HS nêu câu trả lời. |
| - GV gọi HS chia sẻ. | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Luyện tập thực hành:**  *\* Nói tên các bài đã học*  - GV chiếu nội dung bài 1.  - YC 1 HS đọc nội dung bài.  - YC HS quan sát, đọc thầm từng khổ thơ, lời nói của nhân vật trích từ các bài đã học. Sau đó viết ý kiến cá nhân vào nháp.  - YC HS thảo luận nhóm 4 đối chiếu câu trả lời và thống nhất.  - Tổ chức cho HS chia sẻ nội dung thảo luận.  - GV chốt câu trả lời. | - HS quan sát.  *-* HS thực hiện YC của GV.  - HS thảo luận nhóm 4.  - Từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe. |
| *\* Nêu ngắn gọn nội dung các bài đã học*  - GV YC HS đọc đề bài.  - YC HS thảo luận nhóm đôi.  - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.  - Tổ chức cho HS nhận xét.  - GV chốt câu trả lời. | - HS đọc đề bài  - HS thảo luận nhóm đôi đưa ra đáp án.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| *\* Đọc lại một bài đọc trong chủ điểm Mỗi người một vẻ hoặc Trải nghiệm và khám phá nêu chi tiết hoặc nhân vật em nhớ nhất.*  - YC HS đọc đề bài.  - GV chia nhóm tổ.  - GV phát bảng nhóm thống kê đã chuẩn bị sẵn.  - Quan sát và YC 3 – 4 HS mỗi nhóm chia sẻ câu trả lời. | -1 HS đọc đề bài.  - HS thảo luận nhóm đưa ra ý kiến.  - HS hoàn thiện bảng theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ ý kiến. |
| *\* Tìm danh từ chung va danh từ riêng*  - YC HS đọc đề bài.  - YC HS làm việc cá nhân bằng phiếu học tậpc tìm ra các danh từ chung và danh từ riêng.  - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.  - GV chốt cấu trả lời đúng. | -1 HS đọc đề bài.  - HS tìm thực hiện yêu cầu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Danh từ chung | | | Danh tư riêng | | | Chỉ người | Chỉ vật | Chỉ hiện tượng tự nhiên | Tên người | Tên địa lý | | nàng | Phố, chùa, tỉnh, chân, cành, trúc, chuông, chày, mặt gương, trời, nước, cơm, bạc, vàng | Gió, khói, sương, mưa, nắng | Tô Thị, Triệu Thị Trinh | Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam Thanh, Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ. | |
| *\* Nghe – viết:*  - GV nêu YC nghe viết.  - GV đọc nội dung đoạn văn sẽ viết.  - GV YC HS nhắc lại cách trình bày đoạn văn .  - GV đọc đoạn văn YC HS viêt bài.  - GV nhận xét 3 – 4 bài viết của HS. | -HS lắng nghe.  -2 HS nêu lại.  -HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Tìm và viết một đoạn văn có chưa danh từ chung và danh từ riêng. | - HS thực hiện yêu cầu. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Tư ngày 1 tháng 11 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT(tiết 59)**

**Tiết 3 ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.

- Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.

- Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.

- Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.

- Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  **-** GV YC HS nêu lại thế nào là động từ?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** 2-3HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)**  *\* Nêu được tên bài thơ và tên tác giả. Đọc một đoạn thơ đã học.*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì? | - HS đọc  - HS trả lời (*Nêu tên bài thơ và tên tác giả. Đọc lại được một đoạn thơ hoặc bài thơ đã học.*) |
| - Tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi.  - YC HS đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ đã học.  - GV chốt câu trả lời.  *\* Tìm câu chủ đề trong từng đoạn*  - YC HS đọc đề bài.  - YC HS thảo luận nhóm đôi.  - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.  - GV chốt câu trả lời.  *\* Tìm các động từ trong một đoạn văn*  - YC HS đọc đề bài.  - YC HS hoàn thành bài vào phiếu học tập.  - Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả học tập.  - GV chốt đáp án. | - HS trao đổi cặp đôi.  - 3 – 6 HS đọc.  -HS lắng nghe.  -1 HS đọc đề bài.  - HS thảo luận nhóm đôi  + Đoạn 1: Biển động.  + Đoạn 2: Những ngày hè đi bên bờ ..... như đi trước cửa gió.  + Đoạn 3: Ngần ấy loại chuồn chuồn cũng đủ cho chúng tôi để mê tơi trong suôt mùa hè.  -HS lắng nghe.  -HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào phiếu học tập *(a. động, thét, đập,rít, bay, cắt, vã*  *b. đi, đi, mang, thổi, nghe, reo, vỗ, vọng.*  *c.mặc, thích, phơi, soi, đứng, ngắm, mê tơi.*  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - YC đặt câu có chứa động từ. | - 2-3 HS trả lời |
| -Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHOA HỌC(tiết 18)**

**Bài 10: ÂM THANH VÀ SỰ TRUYỀN ÂM THANH (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Lấy được ví dụ thực tế hoặc làm thí nghiệm để minh hoạ các vật phát ra âm thanh đều rung động.

- Nếu được dẫn chứng về âm thanh có thể truyền qua chất khí, chất lỏng, chất rắn.

- Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, dụng cụ làm thí nghiệm 1,3; Phiếu học tập

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV hỏi:  + Trên đường từ nhà đến trường, em có thể nga thấy những âm thanh nào ?  + Âm thanh phát ra từ đâu? Âm thanh khi truyền như thế nào ?  + Những âm thanh này phát ra từ đâu? | - HS suy ngẫm trả lời. |
| - GV kết luận: Âm thanh do con người gây ra: tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc của trẻ em, tiếng cười, tiếng động cơ, tiếng đánh trống, tiếng đàn, lắc ống bơ, mở sách, … Vậy các vật phát ra âm thanh có đặc điểm gì? Những âm thanh đó truyền tới tai em qua cách nào ? Bài học hôm nay chúng mình cùng tìm hiểu nhé. |  |
| - GV ghi bài. |  |
| **2. Hình thành kiến thức:**  **HĐ1: Âm thanh và nguồn phá ra âm thanh** | |
| *\*Thí nghiệm 1:*  - GV gọi HS đọc yêu cầu của TN1. | - 2 HS đọc. |
| - GV gọi 1 HS lên bảng tiến hành thí nghiệm: rắc vụn giấy lên mặt trống, gõ lên mặt trống. | - HS tiến hành thí nghiệm. |
| - GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm làm thí nghiệm, quan sát, mô tả sự chuyển động của các vụn giấy, cảm giác của tay khi đặt nhẹ lên mặt trống. | - HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm, thảo luận, ghi kết quả. |
| - Yêu cầu HS các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm. | - HS đại diện các nhóm trình bày kết quả. |
| - GV cùng HS rút ra kết luận về âm thanh: Khi mặt trống rung động thì trống kêu.Mặt trống và dây thanh đới đều phát ra tiếng động khi phát ra âm thanh. Khi gõ mạnh thì mẩu giấy chuyển động nhanh hơn và tiếng trống kêu to hơn, ... | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| \*Thí nghiệm 2:  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm đặt tay vào cổ và hát 1 câu hát. | - HS thực hiện. |
| + Em có nghe thấy âm thanh không ?  + Tay em có cảm giác thế nào ?  + Âm thanh đó phát ra từ đâu ? | - HS nối tiếp phát biểu trước lớp. |
| - GV và HS nhận xét, kết luận: *Khi ta hát, không khí từ phổi đi lên khí quản làm cho các dây thanh rung động. Rung động này tạo ra âm thanh. Vậy các vật phát ra âm thanh đều rung động.* | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| \*Trò chơi *“Tìm nhà thông thái”* |  |
| - GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm ghi nhanh vào bảng nhóm những vật phát ra âm thanh đều rung động trong khoảng thời gian 5 phút rồi treo bảng lên trước lớp. | - Các nhóm thực hiện. |
| - GV và HS nhận xét, khen nhóm thắng cuộc. |  |
| - GV kết luận: Âm thanh phát ra TN1 là khi mặt trống bị gõ, TN2 là dây thanh đơi rung lên khi hát. Chúng có đặc điểm chung là các vật rung động thì phát ra âm thanh. | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| + Nêu ví dụ khác về vật phát ra âm thanh đều rung động ? | - HS phát biểu. |
| - GV và HS nhận xét, chốt ý đúng: Khi gõ ta xuống bàn, tiếng hát phát ra từ loa, tiếng lá xào xạc khi có gió, tiếng chiêng phát ra khi ta gõ, ... |  |
| **HĐ2: Sự lan truyền âm thanh** |  |
| *\*Thí nghiệm 3:*  - GV hướng dẫn HS lên bảng tiến hành thí nghiệm 3 như hướng dẫn SGK. | - HS tiến hành thí nghiệm. |
| - Yêu cầu HS quan sát và nhận xét: Âm thanh truyền qua tai em qua chất nào ? | - HS suy nghĩ trả lời. |
| - GV tiến hành đưa đồng hồ báo thức bọc trong túi ni-lông cho vào bình nước (H.3). | - HS thực hiện. |
| + Em có nghe thấy tiếng chuông đồng hồ không ? Âm thanh truyền đến tai em qua chất nào ? | - HS phát biểu. |
| + Nếu bật chuông đồng hồ reo thì em có thể nghe được tiếng chuông không? Tiếng chuông đồng hồ truyền đến tại em qua chất nào? | - HS phát biểu. |
| + Nếu bật chuông đồng hồ reo và đặt đồng hồ vào túi ni-lông, buộc lại rồi thả vào bình nước thì các em có thể nghe được tiếng chuông không ? Nếu nghe được thì tiếng chuông đồng hồ truyền đến tại em qua chất nào? | - HS thảo luận, phát biểu. |
| - GV mời HS hai hoặc ba HS lên áp một tai vào thành bình, tại kia được bịt lại; thông báo với lớp kết quả mình nghe được tiếng chuông đồng hồ. | - HS thực hiện. |
| - GV và HS kết luận: *Khi đã buộc chặt đồng hồ trong túi nilon rồi thả vào chậu nước ta vẫn nghe thấy tiếng chuông khi áp tai vào thành chậu là do tiếng chuông đồng hồ lan truyền qua túi nilon, qua nước, qua thành chậu và lan truyền tới tai ta.Âm thanh có thể lan truyền qua chất lỏng, chất rắn.* | - HS lắng nghe. |
| - Yêu cầu các nhóm thảo luận, tìm một số ví dụ âm thanh có thể truyền qua chất rắn, chất lỏng và chất khí. | - HS thảo luận + phát biểu trước lớp. |
| - GV yêu cầu HS tìm thêm ví dụ về âm thanh truyền qua không khí, chất lỏng, chất rắn. | - HS thực hiện.  + Ví dụ: Tiếng gà gáy, tiếng còi xe, tiếng nói chuyện, tiếng bạn đọc bài, ... |
| - GV và HS kết luận: Âm thanh truyền nhanh, chậm khác nhau trong các chất khác nhau. Âm thanh truyền trong chất rắn nhanh hơn chất lỏng, trong chất lỏng nhanh hơn chất khí. | - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| + Âm thanh có vai trò gì trong cuộc sống ? | - HS nêu. |
| - GV liên hệ thực tế về vai trò quan trọng của âm thanh trong cuộc sống: Âm thanh rất quan trọng đối với cuộc sống. Âm thanh giúp cho con người giao lưu văn hoá, văn nghệ, trao đổi tâm tư, tình cảm, học tập... ;giúp cho con người nghe được các tín hiệu: tiếng còi xe, tiếng kẻng, báo hiệu, báo hiệu cấp cứu…; giúp cho con người thư giãn, thêm yêu cuộc sống: nghe được tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng mưa rơi, tiếng nhạc dìu dặt… | - HS lắng nghe. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA L Í(tiết 17)**

**CHỦ ĐỀ 3: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**

**Bài 8: THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (Ví dụ: địa hình, sông ngòi...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, ham học hỏi, tìm tòi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi,phiếu học tập, bản đồ Việt Nam, lược đồ vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.HĐ Mở đầu:(3’)** |  |
| + Hãy kể tên thành phố em đang sinh sống? | - HS kể. |
| + Em có biết thành phố của em thuộc vùng nào trên đất nước ta không? | - HS nêu. |
| - Yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK mô tả những điều em quan sát được về thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. | - HS nêu. |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức:** |  |
| ***HĐ 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí.*** |  |
| - GV yêu cầu HS lên bảng chỉ trên bản đồ vị trí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. | - HS chỉ trên bản đồ. |
| - Yêu cầu HS nói cho nhau nghe vùng Đồng bằng Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào. | - HS nói nhóm đôi |
| - Yêu cầu HS lên xác định các vùng tiếp giáp trên bản đồ. | - HS xác định trên bản đồ. |
| -> Kết luận:  - Đồng bằng Bắc Bộ nằm ở phía Bắc của nước ta. Tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ.  - Vùng được bồi đắp bởi phù sa sông Hồng và sông Thái Bình. | - HS lắng nghe |
|  | - HS đọc kết luận/37 SGK |
| **HĐ 2: Tìm hiểu về đặc điểm thiên nhiên.** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm 6 về đặc điểm thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.(theo sơ đồ tư duy) | - HS thảo luận nhóm 6. |
| + Địa hình.  + Khí hậu.  + Sông ngòi.  + Đất và sinh vật. |  |
|  | - Đại diện các nhóm báo cáo, bổ sung. |
| -> Kết luận:  1. Địa hình:  - Đồng bằng Bắc Bộ có hình tam giác với đỉnh là Việt Trì, cạnh đáy tiếp tục mở rộng ra phía biển.  - Địa hình tương đối bằng phằng, độ cao trung bình dưới 25m.  - Đồng bằng có diện tích khoảng 15000 km2 là đồng bằng lớn thứ hai ở nước ta. |  |
| 2. Khí hậu: |  |
| - Khí hậu của vùng chia hai mùa: mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng, mưa nhiều.  - Vùng chịu ảnh hưởng của khối khí lạnh từ phương Bắc xuống.Nửa đầu mùa đông lạnh, khô; nửa cuối mùa đông lạnh, ẩm và thường có mưa phùn. |  |
| 3. Sông ngòi: |  |
| - Vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, tỏa khắp vùng.  - Sông Hồng và sông Thái Bình giúp bồi đắp lên Đồng bằng Bắc Bộ. |  |
| 4. Đất và sinh vật |  |
| - Vùng Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là đất phù sa màu mỡ.  - Sinh vật tự nhiên phong phú. Nhiều động vật, thực vật tự nhiên được bảo vệ trong các khu bảo tồn thiên nhiên (vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển...) |  |
| - GV chiếu số số video, hình ảnh về vườn QG... | - HS quan sát. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm(3’)** |  |
| - Tìm hiểu và giới thiệu về một con sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ. | - HS nêu. |
| - Nhận xét giờ học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

***Ngày giảng: Thứ Năm ngày 2 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN(tiết 44)**

**ĐỀ - XI - MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG(Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố kĩ năng chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m2, dm2, cm2, mm2).

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.

- Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.HĐ Mở đầu:(3’)**  - So sánh diện tích HCN có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm và hình vuông có cạnh 20 cm.  - GV nhận xét, đánh giá  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS ghi bài |
| **2. Luyện tập, thực hành: (27’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì? hỏi gì?  - Yêu cầu 1HS vẽ hình minh họa 2 tấm pim mặt trời sau khi được ghép lên bảng lớp, còn lại vẽ vở nháp.  - Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ tính diện tích của tấm pin.  Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS nêu.  - HS vẽ.  - HS làm bài  - HS chia sẻ đáp án. (B: 200 dm2) |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi hoàn thành bài tập.  ? Để biết phòng khách nào nhà Nam phải làm thế nào  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS trao đổi hoàn thành bài.  - HS trả lời.  (Tính diện tích của từng phòng khách rồi so sánh diện tích các phòng để tìm)  - HS chia sẻ đáp án. (Hình A) |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì?  - Bài yêu cầu làm gì?  - Gọi HS nêu cách làm.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV chấm vở 3-5HS nhanh nhất. | - HS đọc.  - Mặt sàn hình vuông cạnh 3m, tấm gỗ có chiều dài 5dm và chiều rộng 1dm.  - Cần bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn mặt căn phòng.  - HS nêu. (tính diện tích của căn phòng và diện tích của tấm gỗ sau đó tìm số tấm gỗ).  - HS làm bài và chia sẻ.  - HS chia sẻ đáp án. ( Cần 180 tấm gỗ để lát kín căn phòng) |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  -GV tổ chức trò chơi: “Học cùng Nobita”  +GV nêu tên, luật chơi.  +GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.  +GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | -HS thực hiện trò chơi.  - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 60)**

**Tiết 4: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.

- Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.

- Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.

- Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.

- Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  **-** GV YC HS nêu lại thế nào là động từ?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** 2-3HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)** |  |
| *\* Tìm thêm 2 – 3 động từ cho mỗi nhóm*  - YC HS đọc đề bài. | -1 HS đọc đề bài. |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** | **Nhóm 5** | | chào | bay | bơi | mọc | trôi | | Trao đổi, học, hỏi, trả lời, suy nghĩ,.... | Làm tổ, hút mật, chui, đậu,... | Quẫy, nhảy, thở, ăn, đớp, nhìn,... | Nở, đổ, phát triển, kết trái, đâm chồi,... | Cập bến, đậu, dừng, lật, đắm, chìm, trôi,... | | |
| - Tổ chức cho HS nêu nối tiếp các động từ vừa tìm được. | - HS trả lời |
| - GV chốt đáp án.  *\* Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn có chứa động từ ở bài tập 4.*  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu |
| - GV có thể gợi ý cách làm bài cho HS.  - YC HS viết đoạn văn.  - GV khen ngợi HS và chữa một vài bài HS. | - HS trả lời |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - YC đặt câu có chứa động từ. | - 2-3 HS trả lời |
| -Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 61)**

**Tiết 5: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết tóm tắt câu chuyện theo gợi ý.

- Viết được đoạn mở bài và kết bài cho câu chuyện có sẵn.

- Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV yêu cầu HS nêu lại cách viết mở bài và kết bài cho bài văn kể chuyện. | - 2-3 HS đọc và trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)**  - GV trình chiếu tranh và YC HS quan sát tranh.  - GV YC HS đọc nội dung dưới tranh. | - HS quan sát và đọc nội dung. |
| - YC HS thảo luận nhóm 4 nhận biết các sự việc có liên quan tới các nhân vật và tóm tắt câu chuyện đảm bảo đủ nội dung. | - HS thực hiện theo YC của GV. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe. |
| - Yêu cầu chia sẻ với người thân về câu chuyện. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Sáu ngày 3 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 45)**

**Bài 19: GIÂY THẾ KỈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Làm quen với các đơn vị thời gian, giây, thế kỉ

- Chuyển đổi và tính toán với đơn vị thời gian đã học

- Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Tranh vẽ gì?( Trên màn hình đang chiếu phim hoạt hình có nhân vật là que diêm, cây thông và hội thoại giữa que diêm và cây thông)  + Tranh vẽ có mấy nhân vật?  + Yc học sinh đóng vai nêu lại tình huống? | - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. |
| - GV giới thiệu- ghi bài | - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức: (12’)** |  |
| - GV cho hs quan sát chiếc đồng hồ có kim giây chuyển động, GT thế kỉ Gv giới thiệu về tuổi của ông bà để  sánh độ dài ngắn của giây và thế kỉ.  + GVGT: giây là đơn vị TG  1 phút = 60 giây  1 giờ = 60 phút  + Hỏi: Em biết năm nay là năm gì không?  ( Để đánh dấu các năm người ta dùng các số còn để đánh dấu các thế kỉ người ta dùng chữ số La mã)  Thế kỉ: là một đơn vị đo thời gian  1 thế kỉ = 100 năm  + Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ một ( Thế kỉ I)  …….  + Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt ( Thế kỉ XXI) | - Quan sát  - trả lời |
| - Yêu cầu HS lấy ví dụ.  - GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở ngoài |  |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| **Bài 1:**  - Bài toán cho chúng ta biết gì?  - Cho HS thảo luận, làm bài vào bảng nhóm  - Yêu cầu HS chia sẻ.  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.  a) 60 giây; 1 phút; 180 giây; 3phút  b) 100 năm; 1 thế kỷ, 400 năm; 4 thế kỉ | - HS đọc.  - Thực hiện làm bài nhóm 4  - HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài  - Lắng nghe |
| **Bài 2.**  - Gọi HS đọc bài toán.  + Bài toán cho chúng ta biết gì?  +Cho HS làm bài CN tham gia trò chơi Ai nhanh ai đúng  **KQ**: a) Trần Hưng Đạo sinh năm 1228 thuộc TK XIII  b) Nguyễn Trãi sinh năm 1380 thuộc TK XIV  c) Phan Bội Châu sinh năm 1867 thuộc TK XIX  d) Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924 thuộc TK X  - GV giới thiệu với học sinh về 4 nhân vật lịch sử  **Bài 3:**  - YC hs nêu bài toán  - GVHD học sinh  - YCHS làm vào vở  - Đại diện chia sẻ  Bài giải  Năm canh tý tiêp theo là  1900 + 60 = 1960  Vậy năm canh tý tiếp theo thuộc TK XX | - HS đọc.  - HS trả lời  - Tham gia chơi  - Lắng nghe  - HS làm bài vào vở, chia se |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  + GVGT với học sinh về Can và chi trong âm lịch  - Nhận xét giờ học | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 63)**

**Tiết 7: ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 1**

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

.....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 10**

***Ngày giảng: Thứ Hai ngày 6 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 46)**

**Bài 19: GIÂY THẾ KỈ (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Vận dụng cách tính để giải được các bài toán thực tế có liện quan đến thời gian

- Năng lực: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Mở đầu: (3’)**  Tổ chức trò chơi Đố bạn  - 1 phút = 60 giây  1 giờ = 60 phút  - Nhận xét, khen ngợi. | - Lắng nghe  - Chia sẻ |
| - GV giới thiệu - ghi bài. | - Ghi đầu bài |
| **2. Luyện tập, thực hành: (28’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS thảo luận, làm bài vào vở.  - Mời HS chia sẻ  KQ:  a)  5 ngày = 120 giờ 2 tuần = 14 ngày  4 giờ 10 phút = 250 phút  b)  2 giờ = 120 phút 28 ngày = 4 tuần  2 phút 11 giây = 131 giây | - HS đọc.  - HS thực hiện cặp đôi  - HS chia sẻ, nhận xét chữa bài |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc bài toán.  - HD HS phân tích đề bài toán.  - Yêu cầu HS thảo luận làm bài trên bảng nhóm  - Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài  **KQ**  + TP Sài Gòn ( nay là TPHCM) được thành lập là:  1998 - 300 =1698 thuộc thế kỉ XVII  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS đọc đầu bài  - Theo dõi  - Thực hiện nhóm 4  - Chia sẻ, nhận xét, chữa bài |
| **Bài 3.**  - Tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng  - GV quan sát sửa lỗi cho từng em.  KQ:  + Nam chạy 100m ( 20 giây)  + Thơi gian chuyến bay HN- ĐN ( 1 giờ)  + Tuổi của cây gỗ đó ( 78 năm)  - Nhận xét, tuyên dương những HS làm đúng, làm nhanh | - Tham gia chơi  - Quan sát, cổ vũ  - Lắng nghe |
| **Bài 4.**  - Gọi HS đọc bài toán.  - Gọi HS phân tích đề bài toán.  - Yêu cầu HS thảo luận làm bài vào vở  - Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài  *Bài giải*  Từ ngày 1 tháng 1năm 2001 đến hết năm 2009 có số năm là:  2009 – 2001 = 8 (năm)  8 năm máy bay thực hiện số chuyến bay là:  400 × 8 = 3200 ( chuyến bay)  Đáp số: 3200 chuyến bay  **Bài 5:**  - Củng cố cung cấp thêm cho hs về năm nhuận và năm không nhuận  - GVHD học sinh  - KQ:  a) Thế kỉ XXI có số năm nhuận là:  (2096 – 2004) : 3 + 1 = 24 năm  b) Năm cuối cùng của TK XX là năm nhuận năm đó là năm: 2096 | - HS đọc đầu bài  - Nêu  - Thực hiện vào vở  - Chia sẻ, nhận xét, chữa bài |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  - Yêu cầu HS đếm số năm trên nắm tay  - VN chia sẻ ND bài với người thân  - GV nhận xét | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐẠO ĐỨC (Tiết 10)**

**BÀI 3: YÊU LAO ĐỘNG(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

- Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.

- Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

- Quý trọng người yêu lao động, không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

**-** Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***-*** Năng lực điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia hoạt động lao động.

-Chăm chỉ, biết thể hiện tình yêu lao động qua thái độ, lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy,SHS, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

- Bộ tranh về *Yêu lao động* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

- Câu chuyện, bài hát, trò chơi gắn với nội dung chủ đề.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

- SHS.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. HĐ Mở đầu: (3’)**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời một vài HS chia sẻ trải nghiệm:  *+ Kể những việc em đã làm được khi ở nhà, ở trường.*  *+ Khi làm những việc đó, em cảm thấy như thế nào?*  - GV mời đại diện 2 - 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (Nếu có).  - GV khen ngợi những HS đã biết làm những công việc ở nhà và ở trường.  - GV kết luận và dẫn dắt HS vào bài: *Lao động đem lại những lợi ích to lớn cho chúng ta. Nhờ có lao động, con người được đáp ứng về vật chất và tinh thần. Bài học* ***“Yêu lao động”*** *sẽ giúp các em hiểu được những lợi ích của lao động và có những hành động cụ thể.*  **2. HĐ hình thành kiến thức mới: (13’)**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu một số biểu hiện của yêu lao động**  **a. Mục tiêu:** HS nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát 4 bức tranh trong SGK và trả lời các câu hỏi:  *+ Em hãy nêu các biểu hiện của yêu lao động qua các bức tranh đó.*  *+ Hãy nêu thêm các biểu hiện của yêu lao động mà em biết.*  - GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *+ Biểu hiện của yêu lao động qua các bức tranh: Chủ động, tự giác lao động ở trường, lớp; Vui vẻ, yêu thích lao động; Lao động tích cực, có kết quả tốt; Chủ động tham gia lao động ở nơi mình sinh sống.*  *+ Các biểu hiện khác của yêu lao động là tích cực, tự giác làm những việc phù hợp với khả năng; chăm chỉ làm việc nhà, việc trường; thấy việc là làm ngay không trì hoãn; không đùn đẩy việc cho người khác, không nhờ người khác làm hộ việc của mình; yêu quý, kính trọng những người yêu lao động; không đồng tình lên án những người lười lao động,...*  **3. HĐ thực hành: (15’)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập 1: Nhận xét các ý kiến***  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận với bạn để xác định  *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?*  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (Nếu có)  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *a. Đồng tình, vì lười lao động là hành động đáng bị lên án.*  *b. Không đồng tình, vì bất kể ai cũng phải lao động dù giàu có hay nghèo.*  *c. Đồng tình, vì lao động đem lại những giá trị tinh thần đáng quý cho con người.*  *d. Đồng tình, vì cần yêu quý những người lao động và yêu lao động.*  *e. Đồng tình, vì ai cũng có thể lao động, trẻ em có thể làm những việc phù hợp với khả năng của mình.*  **4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện là người lao động.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm câu chuyện về một tấm gương yêu lao động, đồng thời nêu những điều em học hỏi được từ tấm gương đó.  - GV mời một vài HS chia sẻ cảm xúc của em sau khi đã làm xong một công việc *(ở trường, ở nhà, ở nơi công cộng,...).*  *-* GV yêu cầu HS tự giác thực hiện các công việc ở nhà, ở trường phù hợp với khả năng của em, thực hiện và ghi vào bảng theo gợi ý dưới đây:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Việc em làm | Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu | Thứ Bảy | Chủ nhật | | Quét nhà |  |  |  |  |  |  |  | | Lau bàn ghế |  |  |  |  |  |  |  | | Gấp quần áo |  |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  |  |   - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Yêu lao động.*  + Thể hiện được hành động yêu lao động bằng việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. | - HS trả lời câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS làm việc theo nhóm đôi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc theo cặp đôi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Ba ngày 7 tháng 11năm 2023***

**TOÁN(tiết 47)**

**Bài 20: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG**

**MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố đọc số đo cân nặng, tính toán với đơn vị đo khối lượng, củng cố tính diện tích và tính với đơn vị thời gian.

- Năng lực: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: bảng nhóm, máy tính, ti vi, phiếu bài 1.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  -Tổ chức trò chơi: Ô của bí mật  - Tháng nhuận là tháng có bao nhiêu ngày? Tháng không nhuận là tháng có bao nhiêu ngày? | - HS trả lời.  - HS thực hiện. |
| - GV giới thiệu - ghi bài. |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (28’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì?  - GVYC học sinh đọc số đo mỗi hộp vật liệu theo đơn vị ki lô gam | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời miệng.  KQ:  a) Ý C  b)Ta có phép tính  65 + 25 + 15 = 100 (kg)  Đổi 100 kg = 1 tạ  Vậy tổng cân nặng than hoạt tính, sỏi và cát hạt lớn là 1 tạ  - GV nhận xét, khen ngợi. | - HS thực hiện. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Trả lời |
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở cho bạn kiểm tra.   |  |  | | --- | --- | | KQ: Ý C |  |   - GV có thể phát cho Hs một số tấm bìa khác nhau YC hs tính diện tích của tấm bìa đó. | - Thực hiện  - Thực hiện |
| - GV khen ngợi HS. |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - HD HS cách thực hiện  - GV gọi HS trả lời  KQ: Ý C | - HS nêu. |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm 4, cùng thực hành  - GV chuẩn bị cho học sinh: Cát, sỏi, vải lót và cho HS thực hiện  - GV nhận xét tuyên dương học sinh | - HS thực hiện |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - Em cùng bạn trong tổ cùng thực hiện đo cân các vật trong thực tế: 1 bao gạo, 20 quyển sách........ | - HS thực hiện |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 64)**

**Đọc: VẼ MÀU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Vẽ màu, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ khi vẽ tranh.

- Nhận biết được màu sắc của các sự vật, cách gọi màu sắc của sự vật trong bài thơ; nhận xét được đặc điểm, cách gợi màu sắc của sự vật cùng những cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Cần trân trọng, phát huy năng lực tưởng tượng, sáng tạo của mỗi cá nhân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)**  - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Đọc nối tiếp bài *Trước ngày xa quê* và trả lời câu hỏi: *Vì sao bạn nhỏ không muốn xa quê?* | - HS thảo luận nhóm đôi |
| - GV gọi HS chia sẻ. | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu chủ điểm: *Niềm vui sáng tạo.*  - Yêu cầu HS quan sát tranh chủ điểm và cho biết tranh nói với em điều gì về chủ điểm?  - GV giới thiệu bài: *Vẽ màu* | - HS quan sát và chia sẻ. |
| **2. Hình thành kiến thức: (15’)**  *a. Luyện đọc:*  - GV đọc mẫu cả bài hoặc gọi HS đọc (lưu ý đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, thể hiện tâm trạng, cảm xúc, sự khám phá của nhân vật).  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó.  - HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - Hướng dẫn HS đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: Còn màu xanh chiếu là; Làm mát những rặng cây; Màu nâu này biết không;..  + Đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ (nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ màu sắc, thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật)  - 5HS đọc nối tiếp cả bài thơ. | - HS đọc  - HS đọc nối tiếp  - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp.  - HS luyện đọc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.  - Gọi HS đọc trước lớp. | - HS luyện đọc |
| *b. Tìm hiểu bài:*  - GV hướng dẫn HS sử dụng từ điển để tìm nghĩa của từ *đại ngàn*. | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc và trả lời *câu 1: Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ màu sắc của mỗi sự vật (hoa hồng, nắng đêm, lá cây, hoàng hôn, rừng đại ngàn)* | - HS làm vào phiếu bài tập  Hoa hồng – màu đỏ; nắng – màu vàng; đêm – màu đen (mực); lá cây – màu xanh; hoàng hôn – màu tím; rừng đại ngàn – màu nâu. |
| - Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Các khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở những thời điểm nào?* | - HS thảo luận và chia sẻ  Đáp án: Khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở buổi sáng (bình minh ở khổ 2), buổi chiều tối (hoàng hôn ở khổ 3), buổi đêm (đêm ở khổ 4) |
| *-* Yêu cầu HS thảo luận nhóm*: Theo em, bạn nhỏ muốn nói gì qua hai dòng thơ “Em tô thêm màu trắng/ Trên tóc mẹ sương rơi..”?* | - HS trả lời |
| - GV nêu yêu cầu: Nếu được vẽ một bức trang với đề tài tự chọn, em sẽ vẽ gì? Em chọn màu vẽ nào để vẽ? Vì sao? | - HS trả lời. |
| - GV kết luận, khen ngợi HS |  |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tại lớp, đọc diễn cảm | - HS lắng nghe |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - Qua bài thơ, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của bạn nhỏ với mẹ? Em đã làm gì để thể hiện tình cảm của mình đối với mẹ? | - HS trả lời. |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Sưu tầm tranh, ảnh các nhạc cụ dân tộc. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 65)**

**Luyện từ và câu: BIỆN PHÁP NHÂN HÓA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm được khái niệm biện pháp nhân hóa và nhận biết được các vật, hiện tượng được nhân hóa, biện pháp nhân hóa.

- Nói và viết được câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa.

- Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (5’)**  **-** GV và học sinh cùng múa, hát một bài hát: *Cháu vẽ ông mặt trời.*  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** HS múa hát |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu: *Mỗi từ in đậm trong đoạn văn dùng để gọi con vật nào? Em có nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn?*  - Bài yêu cầu làm gì? | - HS đọc  - HS trả lời |
| - Gọi 1 HS đọc to các từ in đậm: **anh, cô, chú, ả, chị, bác.**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm.  GV chốt: Tác dụng của các từ hô gọi trên làm cho các con vật trong đoạn văn trở nên sinh động, gần gũi với con người hơn. Đoạn văn viết về những con vật như nói về con người. | - HS đọc  - HS thảo luận và thống nhất câu trả lời.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Từ in đậm | Con vật | | 1 | anh | Chuồn chuồn ớt | | 2 | cô | Chuồn chuồn kim | | 3 | chú | Bọ ngựa | | 4 | ả | Cánh cam | | 5 | chị | Cào cào | | 6 | bác | Giang, dẽ | |
| **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài: *Tìm trong đoạn thơ những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả các vật hoặc hiện tượng tự nhiên.* | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. | - HS đọc bài thơ, tìm từ ngữ theo yêu cầu của bài tập. |
|  | |  |  | | --- | --- | | Bụi tre | Tần ngần, gỡ tóc | | Hàng bưởi | Bế lũ con | | Chớp | Rạch ngang trời | | Sấm | Ghé xuống sân, khanh khách cười | | Cây dừa | Sải tay bơi | | Ngọn mùng tơi | Nhảy múa | |
| - GV chốt bài  **Bài 3:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài: *Trong đoạn thơ, những vật và hiện tượng tự nhiên nào được nhân hóa? Chúng nhân hóa bằng cách nào?* | - HS đọc |
| - HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở | - HS tìm và viết vào vở |
|  | Mầm cây *tỉnh giấc*; Hạt mưa *trốn tìm*; Cây đào *lim dim, cười*; Quất *gom nắng*. |
| - GV nhận xét: Dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để nói về hoạt động, đặc điểm của vật.  **Bài 4:**  - Gọi HS nêu yêu cầu: *Đặt 1-2 câu về con vật, cây cối, đồ vật,… trong đó có sử dụng biện pháp nhân hóa.*  - GV yêu cầu HS đặt câu vào vở, đổi vở chia sẻ cặp đôi. | - HS đọc yêu cầu  - HS đặt câu. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - Nhân hóa là gì? Có những cách nhân hóa nào? | - 2-3 HS trả lời |
| - Đặt câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa nói về học tập. | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Tư ngày 8 tháng 11 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT(Tiết 66)**

**Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách viết đoạn văn tưởng tượng dựa trên một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- Biết thể hiện sự trân trọng những sáng tạo của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV và HS khởi động bằng trò chơi hoặc bài hát.  - GV giới thiệu bài. | - HS khởi động. |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)**  ***Bài 1:*** *Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu*  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập  - GV cho HS làm việc nhóm và thực hiện theo yêu cầu.  ***Bài 2:*** *Nếu viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc nghe, em thích viết cách nào?*  - GV yêu cầu HS đọc 3 cách viết đoạn văn tưởng tượng được nêu trong sách.  - GV mời 2-3 cặp chia sẻ về cách viết đoạn văn tưởng tượng mà em thích, nêu lí do tại sao em thích cách viết đó.  - Cả lớp nhận xét, bổ sung.  ***Bài 3:*** *Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.*  - GV yêu cầu HS nhắc lại những cách viết đoạn văn tưởng tượng được gợi ý ở BT 2.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm, đưa ra những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng về một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe  - GV quan sát, hỗ trợ HS. | - HS nêu yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm  - HS đọc  - HS chia sẻ  - HS nhắc lại.  - HS thảo luận nhóm. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| - GV tổ chức trò chơi: “Ai đúng-Ai sai”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc.  - Nhận xét tiết học. | -HS thực hiện.  - HS lắng nghe. |
| - Yêu cầu HS: Kể cho người thân nghe một câu chuyện tưởng tượng về loài vật và chia sẻ những chi tiết mà em thích trong câu chuyện đó.  - Dặn HS ôn Bài 17 và đọc trước Bài 18. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHOA HỌC(tiết 20)**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Một số tính chất của nước và không khí; thành phần chính của không khí.

- Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

- Nêu vai trò của nước và không khí trong sinh hoạt, lao động sản xuất và vui chơi giải trí.

- Luôn có ý thức bảo vệ môi trường nước, không khí và vận động mọi người cùng thực hiện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- HS chuẩn bị các tranh, ảnh về việc sử dụng nước, không khí trong sinh hoạt, lao động sản xuất và vui chơi giải trí. Bút màu, giấy vẽ.

- GV chuẩn bị phiếu học tập cá nhân và giấy khổ A0.

- Các thẻ Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Cần cố gắng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY– HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. HĐ Mở đầu:(3’)**  Gọi 3 HS lên bảng:  + Em hãy mô tả hiện tượng và kết quả của thí nghiệm 1?  + Em hãy mô tả hiện tượng và kết quả của thí nghiệm 2?  + Không khí gồm những thành phần nào?  - GV nhận xét và cho điểm HS.  **2.HĐ Luyện tập:(25’)**  ***Hoạt động 1:****Ôn tập về phần vật chất.*  - GV chuẩn bị phiếu học tập cá nhân và phát cho từng HS.  - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu khoảng 5 đến 7 phút.  - GV nhận xét, khen ngợi.  **c*) Hoạt động 2****: Vai trò của nước, không khí trong đời sống sinh hoạt.*  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.  - Chia nhóm HS, yêu cầu các nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm mình.  - Phát giấy khổ A0 cho mỗi nhóm.  - Yêu cầu các nhóm có thể trình bày theo từng chủ đề theo các cách sau:  + Vai trò của nước.  + Vai trò của không khí.  + Xen kẽ nước và không khí.  - Yêu cầu nhắc nhở, giúp HS trình bày đẹp, khoa học, thảo luận về nội dung thuyết trình.  - Yêu cầu mỗi nhóm cử một đại diện vào ban giám khảo.  - Gọi các nhóm lên trình bày, các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.  - Ban giám khảo đánh giá theo các tiêu chí.  + Nội dung đầy đủ.  + Tranh, ảnh phong phú.  + Trình bày đẹp, khoa học.  + Thuyết minh rõ ràng, mạch lạc.  + Trả lời các câu hỏi đặt ra (nếu có).  - GV chấm điểm trực tiếp cho mỗi nhóm.  - GV nhận xét chung.  ***Hoạt động 3:***  ***Cuộc thi: Tuyên truyền viên xuất sắc.***  - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi.  - GV giới thiệu: Môi trường nước, không khí của chúng ta đang ngày càng bị tàn phá. Vậy các em hãy gửi thông điệp tới tất cả mọi người. Hãy bảo vệ môi trường nước và không khí. Lớp mình sẽ thi xem đôi bạn nào sẽ là người tuyên truyền viên xuất sắc.  - GV yêu cầu HS vẽ tranh theo hai đề tài:  + Bảo vệ môi trường nước.  + Bảo vệ môi trường không khí.  - GV tổ chức cho HS vẽ.  - Gọi HS lên trình bày sản phẩm và thuyết minh.  - GV nhận xét, khen, chọn ra những tác phẩm đẹp, vẽ đúng chủ đề, ý tưởng hay, sáng tạo.  **3. HĐ vận dụng, trải nghiệm:(5’)**  - GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà ôn lại các kiến thức đã học để chuẩn bị tốt cho Tiết kiểm tra. | - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS nhận phiếu và làm.  - HS lắng nghe.  - HS hoàn thành phiếu và trình bày trước lớp.  - Trong nhóm thảo luận cách trình bày, dán tranh, ảnh sưu tầm vào giấy khổ to. Các thành viên trong nhóm thảo luận về nội dung và cử đại diện thuyết minh.  - Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi cho nhóm vừa trình bày để hiểu rõ hơn về ý tưởng, nội dung của nhóm bạn.  - HS lắng nghe.  - 2 HS cùng bàn.  - HS lắng nghe.  - HS vẽ.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe  -HS thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ(tiết 19)**

**Bài 8: THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, ham học hỏi, tìm tòi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)** |  |
| - Nêu những điều kiện thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. | - HS nêu. |
| - GV giới thiệu - ghi bài. |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (13’)** |  |
| ***2.1. Tìm hiểu về bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.*** |  |
| *2.1.1. Thực trạng.* |  |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK thảo luận nhóm 4 nêu một số vấn đề về thiên nhiên cần quan tâm ở Đồng bằng Bắc Bộ vào phiếu học tập. *(đất, nguồn nước, khí hậu, sinh vật....)* | - HS thực hiện. |
|  | - Đại diện nhóm báo cáo. |
|  | - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| - GV kết luận: *Thiên nhiên ở Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều vấn đề cần quan tâm: đất bạc màu, nguồn nước ô nhiễm, sinh vật tự nhiên suy giảm, tác động của biến đổi khí hậu...* | - HS lắng nghe. |
| - GV chiếu video, hình ảnh. | - HS quan sát |
| - GV giải thích cho HS hiểu khái niệm *biến đổi khí hậu* là sự thay đổi của khí hậu và của những thành phần liên quan gồm đại dương, đất đai, bề mặt Trái đất, và băng quyển như tăng nhiệt độ, băng tan và nước biển dâng. |  |
| *2.1.2. Biện pháp* |  |
| - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 đưa ra các biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ. | - HS thảo luận. |
|  | - Đại diện nhóm báo cáo. |
|  | - Các nhóm khác nhận xét bổ sung. |
| - GV kết luận:  - Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ:  + Sử dụng phân bón hữu cơ.  + Xử lý nước thải.  + Phân loại rác và bỏ rác đúng nơi quy định.  + Trồng nhiều cây xanh.  + Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên.  + Giáo dục và tuyên truyền bảo vệ thiên nhiên. | - HS lắng nghe. |
| - Hiện nay không chỉ vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà biến đổi khí hậu đã và đang có những tác động tiêu cực ở tất cả các vùng của nước ta. Vì vậy, mỗi chúng ta cần có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên, trang bị cho mình những kiến thức và sẵn sàng hành động để góp phần giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. |  |
| **3. Luyện tập(15’)** |  |
| - GV yêu cầu HS hoàn thành bảng trong SGK vào vở. | - HS thực hiện. |
| - GV quan sát hỗ trợ HS. |  |
| - GV gọi HS chia sẻ về bài làm. | - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm. (2’)** |  |
| - Hãy nêu những việc em có thể làm để chia sẻ khó khăn với các bạn ở nơi có thiên tai xảy ra.  - Nhận xét giờ học. | - HS nêu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Năm ngày 9 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN(tiết 49)**

**LUYỆN TẬP CHUNG(tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố nhận biết ác đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn; các dơn vị đo diện tích: mi li mét vuông, đề - xi -mét vuông, mét vuông; các đơn vị đo thời gian: giây; thế kỉ.

- Củng cố thực hiện phép đổi, phép tính cộng, trừ, nhân, chia đối với đơn vị đo khối lượng, diện tích, thời gian.

- Năng lực: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - Yêu cầu HS thực hiện bảng con :  300 m2 = ….dm2 ; 100 năm = ….thế kỉ  - Nhận xét, tuyên dương HS | - HS làm bảng con  - Hs quan sát và trả lời. |
| - GV giới thiệu - ghi bài. |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Hs nêu yêu cầu |
| - GV yêu cầu HS thực hiện SGK.  - Yêu cầu HS đổi sách kiểm tra  - Yêu cầu HS nêu cách làm. | - HS thực hiện SGK  - HS đổi sách kiểm tra  - HS nêu. |
| - Gv củng cố kĩ năng chuyển đổi, tính toán với các đơn vị đo thời gian đã học. | - HS trả lời |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Nêu yêu cầu bài 2? | - HS nêu yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm SGK sau đó đổi chéo.  - Yêu cầu HS trình bày bài làm | - HS thực hiện SGK  - HS trình bày bài làm |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - GV nhận xét, khen ngợi HS | - HS nêu. |
| - GV củng cố phép đổi đơn vị đo khối lượng |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Hs nêu yêu cầu |
| - GV phân tích yêu cầu bài toán: “ Thửa ruộng nhà chú Năm được chia thành mấy phần? Mỗi phần có dạng hình gì?”. | - HS theo dõi. |
| - Yêu cầu HS thực hiện vào nháp | - Hs làm nháp |
| - GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng | - HS lắng nghe |
| - Gv củng cố kĩ năng đổi đơn vị đo khối lượng đã học. |  |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Nêu yêu cầu bài 4? | - Hs nêu yêu cầu |
| - GV yêu cầu HS làm vở | - HS thực hiện làm vở |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm bài  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - HS nêu cách làm |
| - GV củng cố kĩ năng giải toán có lời văn có liên quan đến chuyển đổi các đơn vị đo thời gian. |  |
| **Bài 5:** |  |
| - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Bài yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS làm vào SGK | - Hs nêu yêu cầu  - HS thực hiện SGK |
| -Trình bày cách làm bài  - Gv nhận xét  + Vì sao người ta không đóng gói bao gạo nặng 50 tạ? | - HS trình bày cách làm  - HS trả lời |
| - Gv củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo khối lượng phù hợp với các vật trên thực tế. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| GV tổ chức trò chơi: “Du hành vũ trụ”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc. | - HS thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(Tiết 67+68)**

**Đọc: ĐỒNG CỎ NỞ HOA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Đồng cỏ nở hoa.*

- Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời nói của các nhân vật Bống, ông họa sĩ trong câu chuyện với giọng điệu phù hợp.

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua điệu bộ, hành động, suy nghĩ,… nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,.. trong việc xây dựng nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Đam mê hội họa sẽ đem đến niềm vui cho các bạn nhỏ.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV gọi HS đọc bài *Vẽ màu* nối tiếp theo đoạn. | - HS đọc nối tiếp |
| - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Nếu có thời gian rảnh rỗi, em sẽ làm gì? | - HS trả lời |
| - Vì sao em thích làm việc đó?  - GV nhận xét, giới thiệu bài mới: *Đồng cỏ nở hoa.* | - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức: (50’)**  *a. Luyện đọc:*  - GV đọc mẫu toàn bài.  - Bài có thể chia làm mấy đoạn?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(xấp tranh, tặc lưỡi, trầm trồ, chóp nhọn,...)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. | - HS lắng nghe, theo dõi  - Bài chia làm 3 đoạn  - HS đọc nối tiếp |
| - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình tiết quan trọng hoặc những câu nói thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện. | - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.  - Gọi HS đọc toàn bài.  - GV hướng dẫn HS đọc chú giải từ ngữ. | - HS luyện đọc |
| *b. Tìm hiểu bài:*  - GV hỏi: *Tài năng hội họa của Bống được giới thiệu như thế nào ở đoạn mở đầu?* | - HS trả lời *(Tài năng hội họa của Bống được giới thiệu ở đoạn mở đầu: Bống là một cô bé có tài hội họa; Bống rất mê vẽ; Bống vẽ rất tự nhiên như người ta thở, như người ta nhìn, như người ta nghe;…)* |
|  |  |
| - Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Điều đáng chú ý trong những bức tranh Bống vẽ là gì?*  - GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 3: *Em hiểu thế nào về nhận xét của ông họa sĩ Phan đối với tranh Bống vẽ: “Chà chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!”?*  - Cho HS làm phiếu cá nhân, rồi chia sẻ cặp đôi.  - GV nêu câu hỏi: *Những chi tiết nào trong bài cho thấy Bống có trí tưởng tượng rất phong phú?*  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi. | - HS thảo luận và chia sẻ *(Bống vẽ rất giống. Con mèo Kết ra con mèo Kết. Con chó Lu ra con chó Lu. Cây cau ra cây cau….)*  - HS đọc yêu cầu  - HS làm phiếu và chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.  - Gọi HS đọc yêu cầu: *Em có ấn tượng với nhân vật nào trong các bức vẽ của Bống? Vì sao?*  **3.Thực hành: (15’)**  -GV cho HS luyện đọc lại. | - HS đọc yêu cầu. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - Em có thích vẽ không? Vì sao? | - HS trả lời |
| - Em cảm thấy thế nào khi mình vẽ đẹp? |  |
| - GV cùng HS nhận xét và sửa câu.  - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Sáu ngày 10 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 50)**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố nhận biết ác đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn; các dơn vị đo diện tích: mi li mét vuông, đề - xi -mét vuông, mét vuông; các đơn vị đo thời gian: giây; thế kỉ.

- Củng cố thực hiện phép đổi, phép tính cộng, trừ, nhân, chia đối với đơn vị đo khối lượng, diện tích, thời gian.

- Năng lực: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - Yêu cầu HS thực hiện bảng con :  500 m2 = ….dm2 ; 2 tấn 89kg = ….kgỉ  - Nhận xét, tuyên dương HS | - HS làm bảng con  - Hs quan sát và trả lời. |
| - GV giới thiệu - ghi bài. |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (28’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Hs nêu yêu cầu |
| - GV yêu cầu HS thực hiện SGK.  - Yêu cầu HS đổi sách kiểm tra  - Yêu cầu HS nêu cách làm. | - HS thực hiện SGK  - HS đổi sách kiểm tra  - HS nêu |
| - Gv củng cố kĩ năng chuyển đổi, tính toán với các đơn vị đo thời gian đã học. | - HS trả lời |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Nêu yêu cầu bài 2? | - HS nêu yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm SGK sau đó đổi chéo.  - Yêu cầu HS trình bày bài làm | - HS thực hiện SGK  - HS trình bày bài làm |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - GV nhận xét, khen ngợi HS | - HS nêu. |
| - GV củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo khối lượng phù hợp cho các vật trong thực tế. |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Hs nêu yêu cầu |
| - GV có thể gợi ý hướng dẫn:  + Gv yêu cầu Hs tính diện tích bảng mạch, kể cả hai phần khuyết  + Diện tích hình chữ nhật ABCD là bao nhiêu xăng – ti -mét vuông?  + Diện tích mỗi hình vuông trắng là bao nhiêu xăng – ti -mét vuông?  + Muốn tính diện tích bảng mạch ta lấy diện tích hình chữ nhật ABCD trừ đi diện tích những phần nào? | .  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS thực hiện vào vở | - Hs làm vở |
| - GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng | - HS lắng nghe |
| - Gv củng cố kĩ năng tính diẹn tích |  |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Nêu yêu cầu bài 4? | - Hs nêu yêu cầu |
| - GV yêu cầu HS làm SGK | - HS thực hiện làm SGK |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm bài  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - HS nêu cách làm |
| - GV củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo diện tích phù hợp với mỗi bề vật vật đã cho. |  |
| **Bài 5:** |  |
| - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Bài yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS làm vào nháp | - Hs nêu yêu cầu  - HS thực hiện nháp |
| -Trình bày cách làm bài  - Gv nhận xét, tuyên dương HS | - HS trình bày cách làm |
| - Gv củng cố kĩ năng đổi đơn vị đo thời gian, thế kỉ. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (4’)** |  |
| - GV tổ chức trò chơi: “Tìm nhà cho thỏ con”.  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc. | - HS trả lời. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(Tiết 70)**

**Nói và nghe: CHÚNG EM SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giới thiệu được một sản phẩm mà em tự tay làm ra.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sách, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)** |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)**  \* Chuẩn bị  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV hướng dẫn HS đọc kỹ một số gợi ý về cách lựa chọn sản phẩm, về cách giới thiệu sản phẩm và cách sử dụng phương tiện khi nói.  \* Nói  - GV hướng dẫn HS dựa vào kết quả của phần Chuẩn bị để giới thiệu trong nhóm.  - Gọi 3-4 HS giới thiệu trước lớp*.*  \* Trao đổi góp ý.  - GV mời HS nhận xét sau khi nghe bạn giới thiệu. | - HS đọc yêu cầu  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS trao đổi trong nhóm.  - HS thực hiện  - HS trao đổi, nhận xét. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe |
| - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu:  + Chia sẻ với người thân về sản phẩm em đã giới thiệu ở hoạt động Nói và nghe.  +Tìm đọc sách, truyện về các phát minh khoa học.  + Nêu suy nghĩ về các phát minh đó hoặc nêu điều em biết về tác giả của các phát minh.  - Khen ngợi, động viên học sinh. | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KÍ DUYỆT CỦA BGH & TỔ CHUYÊN MÔN**

.....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TUẦN 11**

***Ngày giảng: Thứ Hai ngày 13 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 51)**

**Bài 21: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Củng cố thực hiện phép đổi và so sánh đơn vị đo thời gian, khối lượng.

- Giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo diện tích, thời gian.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, phiếu bài tập, phiếu bài tập cho bài tập 4.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu các đơn vị đo diện tích đã học.  + Câu 2: 900 dm2 = .......m2  + Câu 3: 6 tấn = ........kg  + Câu 4: 3 tạ 6kg =........kg  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  m2  dm2 cm2  mm2  900dm2 = 9 m2  6 tấn = 6000kg  3 tạ 6kg = 306kg  - HS lắng nghe |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Luyện tập : (13’)** |  |
| **Bài 1 ( trang 73)**  **C:\Users\Dell\Pictures\Screenshots\Screenshot (17).png**  - Gv củng cố kĩ năng chuyển đổi, tính toán với các đơn vị đo thời gian đã học.  **Bài 2 ( trang 73)**  **C:\Users\Dell\Pictures\Screenshots\Screenshot (18).png**  - GV củng cố phép đổi đơn vị đo khối lượng  **Bài 3 ( trang 73)**  - GV phân tích yêu cầu bài toán: “ Thửa ruộng nhà chú Năm được chia thành mấy phần? Mỗi phần có dạng hình gì?”.  - Gv củng cố kĩ năng đổi đơn vị đo khối lượng đã học.  Bài 4:  - GV củng cố kĩ năng giải toán có lời văn có liên quan đến chuyển đổi các đơn vị đo thời gian. Gv củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo khối lượng phù hợp với các vật trên thực tế.  3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm  Trò chơi: Ai đoán đúng nhất:  Yêu cầu HS dự đoán diện tich của mặt bảng, mặt bàn em đang ngồi học và diện tích phòng học.  Bạn nào đoán nhanh, số lần chính xác nhiều hơn thì bạn đó thắng.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài và xem trước bài: Phép cộng các số có nhiều chữ số. | - HS làm bảng con  - Hs nêu cách làm  - HS trả lời  - HS trả lời  - Hs thực hiện bảng con  - HS nêu cách làm  - HS trả lời  - HS đọc đề bài toán.  - HS nêu cách giải.  **Bài giải**  a)Diện tích mỗi phần là:  4000 : 4 = 1000 m2  b) Số thóc chú Năm thu được là:  7 x 4 = 28 ( tạ thóc)  Đáp số: a) 1000 m2  b) 28 tạ thóc.  - HS nêu dữ kiện bài toán  - 1 HS trả lời:  Kỉ niệm 500 thiết kế kiểu động cơ hơi nước này sẽ vào năm 2282. Năm đó thuộc thế kỉ thứ XXIII.  - HS nêu cách tính (1782 + 500)  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS dự đoán theo yêu cầu.  - Nhận xét  - HS lắng nghe |
|  |  |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐẠO ĐỨC (Tiết 11)**

**BÀI 3: YÊU LAO ĐỘNG(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

- Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.

- Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

- Biết vì sao phải yêu lao động.

- Quý trọng người yêu lao động, không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

**-** Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***-*** Năng lực điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia hoạt động lao động.

-Chăm chỉ, biết thể hiện tình yêu lao động qua thái độ, lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy,SHS, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

- Bộ tranh về *Yêu lao động* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

- Câu chuyện, bài hát, trò chơi gắn với nội dung chủ đề.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

- SHS.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3’)**  - GV mời một vài HS chia sẻ trải nghiệm:  *+ Kể những việc em đã làm được khi ở nhà, ở trường.*  *+ Khi làm những việc đó, em cảm thấy như thế nào?*  - GV mời đại diện 2 - 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (Nếu có).  - GV khen ngợi những HS đã biết làm những công việc ở nhà và ở trường.  - GV kết luận và dẫn dắt HS vào bài: *Lao động đem lại những lợi ích to lớn cho chúng ta. Nhờ có lao động, con người được đáp ứng về vật chất và tinh thần. Bài học* ***“Yêu lao động”*** *sẽ giúp các em hiểu được những lợi ích của lao động và có những hành động cụ thể.*  **2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(15’)**  **Hoạt động : Khám phá vì sao phải yêu lao động**  **a**  - GV yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện “Những giọt mồ hôi trên trán mẹ” trong SGK.  - GV mời một HS đọc to câu chuyện cho cả lớp nghe.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi:  *+ Cô bé đã thể hiện tình yêu lao động như thế nào? Những việc làm của cô bé đã đem lại điều gì?*  *+ Theo em, vì sao phải yêu lao động?*  - GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.  - GV nhận xét, kết luận:  *+ Cô bé trong truyện rất yêu lao động, cô thường xuyên giúp mẹ làm việc nhà. Quần áo mẹ phơi khô mà chưa kịp gấp, cô bé không ngần ngại gấp gọn gàng, rồi cất vào tủ của mỗi người. Thấy những ngăn kệ phủ bụi mẹ chưa kịp lau, cô bé đã làm giúp mẹ mỗi chiều. Việc làm của cô bé đã giúp mẹ cô bé đỡ vất vả hơn, giúp cô bé trưởng thành hơn và được mọi người yêu quý, khâm phục.*  *+ Chúng ta cần yêu lao động vì: Lao động tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của con người; lao động giúp ta khỏe mạnh và hoạt bát hơn; lao động giúp chất lượng cuộc sống luôn được cải thiện theo nhu cầu ngày càng cao của xã hội; lao động đã tạo nên loài người văn minh; lao động nâng cao sự hiểu biết về chính mình,...*  **3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(15’)**  ***Bài tập 1: Nhận xét các ý kiến***  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận với bạn để xác định  *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?*  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (Nếu có)  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *a. Đồng tình, vì lười lao động là hành động đáng bị lên án.*  *b. Không đồng tình, vì bất kể ai cũng phải lao động dù giàu có hay nghèo.*  *c. Đồng tình, vì lao động đem lại những giá trị tinh thần đáng quý cho con người.*  *d. Đồng tình, vì cần yêu quý những người lao động và yêu lao động.*  *e. Đồng tình, vì ai cũng có thể lao động, trẻ em có thể làm những việc phù hợp với khả năng của mình.*  -Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (Nếu có).  **4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(3’)**  - GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm câu chuyện về một tấm gương yêu lao động, đồng thời nêu những điều em học hỏi được từ tấm gương đó.  - GV mời một vài HS chia sẻ cảm xúc của em sau khi đã làm xong một công việc *(ở trường, ở nhà, ở nơi công cộng,...).*  *-* GV yêu cầu HS tự giác thực hiện các công việc ở nhà, ở trường phù hợp với khả năng của em, thực hiện và ghi vào bảng theo gợi ý dưới đây:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Việc em làm | Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu | Thứ Bảy | Chủ nhật | | Quét nhà |  |  |  |  |  |  |  | | Lau bàn ghế |  |  |  |  |  |  |  | | Gấp quần áo |  |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  |  |   - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Yêu lao động.*  + Thể hiện được hành động yêu lao động bằng việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  + Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi yêu lao động.  + Đọc trước *Bài 4 – Tôn trọng tài sản của người khác* (SHS tr.25). | - HS trả lời câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu, chuẩn bị vào bài mới.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc thầm câu chuyện.  - HS đọc bài trước lớp.  - HS thảo luận theo nhóm.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc theo cặp đôi.  - HS trả lời  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Ba ngày 14 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN(tiết 52)**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 71)**

**Đọc: THANH ÂM CỦA NÚI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Thanh âm của núi.*

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây khèn, tiếng khèn, người thổi khèn cùng cảnh vật miền núi Tây Bắc qua lời văn miêu tả, biểu cảm của tác giả.

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Trao đổi với bạn những điều em biết về một nhạc cụ dân tộc như khèn, đàn bầu, đàn t’rưng, đàn đá,… | - HS thảo luận nhóm đôi |
| - GV gọi HS chia sẻ. | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức:(18’)**  *a. Luyện đọc:*  - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.  - Bài chia làm mấy đoạn?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(vấn vương, xếp khéo léo,...)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - Hướng dẫn HS đọc:  + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Đến Tây Bắc,/ bạn sẽ được gặp những nghệ nhân người Mông/ thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lộng gió.;…  + Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nghe tiếng khèn người Mông: Ai đã một lần lên Tây Bắc, được nghe tiếng khèn của người Mông, sẽ thấy nhớ, thấy thương, thấy vấn vương trong lòng... | - HS đọc  *- Bài chia làm 4 đoạn, mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn*  - HS đọc nối tiếp  - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp. | - HS luyện đọc |
| *b. Tìm hiểu bài:*  - GV hỏi: *Đến Tây Bắc, du khách thường có cảm nhận như thế nào về tiếng khèn của người Mông?* | - HS trả lời |
| - GV cho HS quan sát hình ảnh cái khèn, yêu cầu HS *giới thiệu về chiếc khèn* (*Vật liệu làm khèn; Những liên tưởng, tưởng tượng gợi ra từ hình dáng cây khèn*)*.* | - HS chỉ tranh và giới thiệu |
| - Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Vì sao tiếng khèn trở thành báu vật của người Mông?* | - HS thảo luận và chia sẻ |
| - *Đoạn cuối bài đọc muốn nói điều gì về*  *tiếng khèn và người thổi khèn?* | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS xác định chủ đề chính của bài đọc. Lựa chọn đáp án đúng. | - HS trả lời. (Đáp án C) |
| - GV kết luận, khen ngợi HS |  |
| **3. Luyện tập, thực hành:(12’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm | - HS lắng nghe |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:(3’)** |  |
| - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc và đất nước Việt Nam? | - HS trả lời. |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Sưu tầm tranh, ảnh các nhạc cụ dân tộc. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 72)**

**Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ BIỆN PHÁP NHÂN HÓA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được các vật, hiện tượng được nhân hóa, biện pháp nhân hóa.

- Nói và viết được câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)**  **-** GV hỏi: Nhân hóa là gì? Đặt 1 câu có sử dụng biện pháp nhân hóa.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** 2-3HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành:(25’)**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì? | - HS đọc  - HS trả lời (*Tìm các vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hóa; chúng được nhân hóa bằng cách nào*) |
| - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập. | - HS thảo luận và thống nhất đáp án |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đoạn | Hiện tượng được nhân hóa | Cách nhân hóa | | | | Gọi vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ chỉ người | Dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để kể, tả về vật, hiện tượng tự nhiên | Trò chuyện, xưng hô với vật, hiện tượng tự nhiên như với người | | a | chim |  | mừng, rủ nhau về |  | | cào cào |  | mặc áo xanh, đỏ; giã gạo |  | | hạt (lúa) |  | níu, nhờ |  | | gió | chị | mách tin |  | | b | rặng phi lao |  | vật vã, chao đảo, không…chịu gục, reo hát, chào | Ly vẫy tay chào lại:  - lớn mau lên, lớn mau lên nhé! | | c | chích chòe, khướu, chào mào, cu gáy | thím, chú, anh, bác | nhanh nhảu, lắm điều, đỏm dáng, trầm ngâm |  | | |
| - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu | - HS trả lời |
| - GV cùng HS nhận xét.  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS xác định hình ảnh nhân hóa trong đoạn thơ. | - HS trả lời *(Các hình ảnh nhân hóa: nàng gà, bà chuối, ông ngô)* |
| - Em thích hình ảnh nhân hóa nào? Vì sao?  - GV khen ngợi HS có cách giải thích thú vị, sáng tạo.  - GV chốt lại tác dụng của biện pháp nhân hóa: giúp cho sự vật, hiện tượng vô tri trở nên sinh động hơn, có hồn hơn, giống với con người, gần gũi với con người hơn. | - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **Bài 3:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS đọc |
| - Cho HS đặt câu vào vở: 2-3 câu có hình ảnh nhân hóa nói về cảnh vật, hiện tượng tự nhiên. | - HS đặt câu vào vở |
| - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. | - HS thực hiện |
| - GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:(5’)** |  |
| - GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng”.  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc. | - HS thực hiện. |
| - GV nhận xét tiết học. | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Tư ngày 15 tháng 10 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT(tiết 73)**

**Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết được đoạn văn tưởng tượng dựa dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)**  - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở tiết trước, trả lời câu hỏi:  + Đề bài yêu cầu những gì?  + Em chọn câu chuyện nào để viết đoạn văn tưởng tượng?  + Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở dàn ý?  - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. | - 2-3 HS đọc và trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành:(27’)**  - GV cho HS viết đoạn văn dựa vào dàn ý đã lập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS. | - HS viết bài vào vở. |
| - Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa. | - HS soát lỗi và sửa lỗi. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:(3’)** |  |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe. |
| - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn tưởng tượng mà em viết. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHOA HỌC(tiết 22)**

**Bài giảng Stem**

**Bài 11: ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Trình bày được tác hại của tiếng ồn và một số biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn

- Thực hiện được các quy định giữ trật tự nơi công cộng, biết cách phòng chống ô nhiễm tiếng ồn trong cuộc sống

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập hình 3a,b,c

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(5’)**  - GV hỏi:  + Nêu lợi ích của âm thanh? (Âm thanh có nhiều lợi ích trong cuộc sống của chúng ta, nhờ có âm thanh chúng ta có thể trò chuyện được với nhau, nghe được những bản nhạc, âm nhạc…)  + Kể tên một số nhạc cụ phát ra âm thanh? (Sáo, đàn gita, kèn, đàn…) | - HS suy ngẫm trả lời.  **-** HS suy ngẫm. |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (25’)**  **HĐ 3: Tiếng ồn và ô nhiễm tiếng ồn** |  |
| - YC học sinh đọc thông tin sgk  - Tổ chức HS thảo luận kĩ thuật khăn trải bàn | - HS tiến hành thí nghiệm. |
| - Yêu cầu HS quan sát và cho biết những người trong hình đang bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn gì? Vì sao âm thanh đó gây ô nhiễm tiếng ồn? | - HS quan sát, trả lời. |
| - GV cùng HS rút ra kết luận : Tiếng máy khoan bê tông ( H3a), Máy cưa gỗ ( H3b), tiếng động cơ ô tô, xe máy ( H3c) gây ra tiếng ồn  - Yc học sinh thảo luận cặp đôi, đề xuất cách làm giảm tiếng ồn ở các hình?  - Đại diện học sinh báo cáo  - GVKL: Hình 3a: Đóng cửa  Hình 3b: đeo cái bịt tai để làm giảm tiếng ồn  Hình 3c: Dựng tấm cách âm, hoặc trồng cây ven đường sẽ hạn chế tiếng ồn. | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:(5’)** |  |
| - Khi tham quan viện bảo tàng, em sẽ nói gì với các bạn đang thảo luận nói to?  - VN làm nhạc cụ phát ra âm thanh. | - HS nêu.  - HS thực hiện |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ(tiết 21)**

**BÀI 9: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT**

**Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS mô tả được một hệ thống đê của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- HS nêu được vai trò của đê vùng Đồng bằng Bắc Bộ trong trị thủy.

- Năng lực: năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác,

- Phẩm chất: yêu nước, ham học hỏi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV gọi HS nhắc lại kiến thức về dân cư và các hoạt động sản xuất truyền thống.  *+ Vì sao vùng Đồng bắng Bắc Bộ có số dân tập trung đông nhất nước ta?*  *+ Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà vùng Đồng bằng Bắc Bộ phát triển hoạt động trồng lúa nước?* | - HS trả lời |
| - GV giới thiệu- ghi bài | - Ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức: (17’)** |  |
| ***2.1. Tìm hiểu về đê***  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm trả lời các câu hỏi:  *+ Đê là gì?*  *+ Đê thường xuất hiện ở đâu?*  *+ Đê dùng để làm gì?* | - HS thực hiện |
| - GV yêu cầu nhóm trả lời và chốt kiến thức. | - HS thực hiện |
| ***2.2. Hệ thống đê vùng Đồng bằng Bắc Bộ*** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 5 và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4:  *+ Mô tả hệ thống đê sông Hồng.*  *+ Nêu vai trò của hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.* | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| - GV yêu cầu nhóm trình bày kết quả và chốt. | - HS trình bày |
| - GV cho HS xem một số hình ảnh, video về hệ thống đê sông Hồng. (lịch sử xuất hiện, những thay đổi, biến cố xảy ra với đê, ...) | - HS xem và cảm nhận |
| - GV cho HS nêu cảm nghĩ cá nhân về những gì cảm nhận được sau khi xem mỗi video. | - HS nêu cảm nhận |
| **3. Thực hành,vận dụng: (15’)** |  |
| - Con hãy kể về con đê mà con có dịp nhìn thấy.  *+ Con đê đó tên là gì? Con đê dài hay ngắn? Con đê bên dòng sông nào? Cảnh vật xung quanh nó thế nào?* | - HS kể |
| - Nhắc HS về nhà hỏi chuyện người lớn về những con đê và kể cho mọi người nghe về bài học hôm nay. | - Ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Năm ngày 16 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN(tiết 54)**

**PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)

- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.

- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(5’)**  - GV cho HS xem 2 video hát nhảy của thiếu nhi và hỏi:  + Đọc số lượt xem của 2 video trên  (VD: Video 1: 438 589  Video 2: 235 072)  + Video nào có lượt xem nhiều hơn?  (Video 1)  + Muốn biết video 1 nhiều hơn video 2 bao nhiêu lượt xem ta thực hiện phép tính nào?  (Phép trừ: 438 589 - 235 072)  + Đây chính là phép trừ các số có nhiều chữ số, cách thực hiện như thế nào, có giống với cách thực hiện phép trừ 5 chữ số không, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay “Phép trừ các số có nhiều chữ số” | - HS xem và thực hành theo  + HS lần lượt đọc  + Video 1 với 438 589 lượt xem  **-** HS suy nghĩ và trả lời  **-** HS suy nghĩ và trả lời |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (15’)** |  |
| - Yêu cầu 1 HS lên bảng thực hiện và nêu cách tính, HS dưới lớp làm ra nháp | - HS thực hiện theo yêu cầu của GV |
| - Yêu cầu 1 HS nêu lại cách tính | - HS nêu |
| - GV đưa ra phép tính: 648 390 – 382 547 =? | - HS đọc phép tính |
| - Yêu cầu 1 HS lên bảng thực hiện và nêu cách tính, HS dưới lớp làm ra nháp | - HS thực hiện theo yêu cầu của GV |
| - Yêu cầu 1 HS nêu lại cách tính | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS lấy ví dụ về phép tính trừ các số có nhiều chữ số.  - Gọi 2 HS trình bày | - HS thực hiện |
| - Muốn thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số ta làm theo mấy bước?  + B1: Đặt tính  + B2: Tính (theo thứ tự từ phải sang trái) | - Nối tiếp HS nêu. |
| - Khi thực hiện phép trừ có nhớ em cần lưu ý gì?  (Lưu ý giả số nhớ về hàng tiếp theo của số bị trừ để thực hiện tính) | - HS nêu |
| - GV tuyên dương, khen ngợi HS. |  |
| **3. Luyện tập, thực hành:(15’)** |  |
| **Bài 1**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Đặt tính rồi tính |
| - GV yêu cầu HS làm vào vở, 3 HS lên bảng thực hiện | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. | - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp |
| - GV hỏi:  + Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số.  + Cần lưu ý gì khi thực hiện phép trừ có nhớ? | - HS trả lời |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong bao nhiêu lần?) | - HS nêu |
| - GV hỏi:  + Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh khoảng bao nhiêu lần? (180 000 lần)  + Khi bay trong 5 phút, ong đập cánh khoảng bao nhiêu lần? (60 000 lần)  + Để tính khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong bao nhiêu lần, ta làm thế nào? (180 000 - 60 000 =?) | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi ghi phép tính của bài toán | - HS thực hiện theo nhóm đôi |
| - Gọi đại diện các nhóm trình bày | - HS trình bày |
| - GV khen ngợi HS |  |
| **Bài 3**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - GV cho HS phân tích bài toán theo quy trình:  + Bài toán cho biết gì?  (Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh có 240 373 *l.* Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng có 25 350 *l.*) | - HS nêu |
| + Bài toán hỏi gì?  (Hỏi khoang chứa nhiên liệu của máy bay nào có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít?) | - HS nêu |
| + Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu nào nhiều hơn? Vì sao?  (màu xanh vì 240 373 *l >* 25 350 *l*) | - HS trả lời |
| + Làm thế nào để tính khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh nhiều hơn khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng bao nhiêu lít?  (Phép trừ 240 373 *-* 25 350) | - HS trả lời |
| - GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV quan sát, hỗ trợ. | - HS làm bài vào vở |
| - Gọi HS chia sẻ bài  Bài giải  Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh nhiều hơn khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng số lít là:  240 373 *-* 25 350 = 215 023 (*lít*)  Đáp số: 215 023 *l* | - 2 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét |
| - GV nhận xét, chốt đáp án. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:(5’)** |  |
| - Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số.  - Cần lưu ý gì khi thực hiện phép trừ có nhớ? | - HS nêu |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe |
| - Chuẩn bị bài sau: Luyện tập |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 74+75)**

**Đọc: BẦU TRỜI MÙA THU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Bầu trời mùa thu.*

- Hiểu được nội dung bài: Bầu trời mùa thu nước Nga hiện lên qua cách miêu tả của các bạn nhỏ rất đẹp và thú vị.

- Biết đọc diễn cảm lời của các nhân vật trong câu chuyện; học được cách miêu tả sự vật trong bài.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)**  - GV gọi HS đọc bài *Thanh âm của núi* nối tiếp theo đoạn. | - HS đọc nối tiếp |
| - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Vì sao tiếng khèn trở thành báu vật của người Mông? | - HS trả lời |
| - Bầu trời đẹp nhất khi nào? Vì sao?  - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. | - 2-3 HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức: (50’)**  *a. Luyện đọc:*  - GV đọc mẫu toàn bài.  - Bài có thể chia làm mấy đoạn?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(tia nắng mặt trời, mặt nước mệt mỏi,...)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. | - HS lắng nghe, theo dõi  - Bài chia làm 3 đoạn:  Đoạn 1: từ đầu đến *để nói về bầu trời.*  Đoạn 2: Tiếp đến *và mỉm cười*  Đoạn 3: Còn lại  - HS đọc nối tiếp |
| - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc. | - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. | - HS luyện đọc |
| *b. Tìm hiểu bài:*  - GV hỏi: Các bạn học sinh được thầy giáo giao cho nhiệm vụ gì*?* | - HS trả lời *(giờ học văn thầy giáo dẫn HS ra cánh đồng vào một buổi sáng mùa thu để quan sát bầu trời và tả bầu trời)* |
| - GV cho HS tìm các câu văn tả bầu trời của các bạn nhỏ. | - HS nối tiếp nêu |
| - Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Em có nhận xét gì về cách miêu tả bầu trời của các bạn nhỏ?* | - HS thảo luận và chia sẻ *(bầu trời có hành động, cử chỉ, cảm xúc, tâm trạng giống với con người)* |
| - *Em có thích những câu văn này không?*  *Vì sao?*  - GV chốt: đây chính là biện pháp nhân hóa. Cách miêu tả sự vật bằng biện pháp nhân hóa làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người hơn. | - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| - *Trong bài có rất nhiều câu văn tả bầu trời, em thích câu văn nào nhất? Vì sao?* | - HS chia sẻ |
| *- Theo em vì sao hình ảnh bầu trời trong mỗi bạn nhỏ lại rất khác nhau?* | - HS trả lời *(do các bạn quan sát từ các hướng, các góc khác nhau; do có liên tưởng, tưởng tượng khác nhau; do vốn từ khác nhau,…)* |
| - GV kết luận, khen ngợi HS |  |
| - Tổ chức cho HS viết 1-2 câu tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận của em. | - HS viết vào vở |
| - Gọi HS đọc câu và hướng dẫn sửa câu. | - HS chia sẻ trước lớp |
| **3. Luyện tập, thực hành:(15’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:(5’)** |  |
| - Tìm câu văn sử dụng cả hai biện pháp so sánh và nhân hóa. | - HS trả lời (Đáp án A) |
| - Yêu cầu hoạt động nhóm 4: Đặt câu kể, tả về hiện tượng tự nhiên sử dụng biện pháp nhân hóa. | - Mỗi nhóm đặt 4 câu về 1 hiện tượng tự nhiên, sau đó chia sẻ trước lớp. |
| - GV cùng HS nhận xét và sửa câu.  - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Sáu ngày 17 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 55)**

**PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)

- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.

- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu(3’)**  - Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số. | - HS trả lời |
| - GV giới thiệu - ghi bài. |  |
| **2. Luyện tập, thực hành(28’)** |  |
| **Bài 1**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Điền số) | - HS trả lời |
| - Bảng gồm mấy cột, mấy hàng?  (3 hàng: Hàng 1: Số bị trừ, Hàng 2: Số trừ, Hàng 3: Hiệu. 5 cột) | - HS trả lời |
| - Muốn tìm hiệu ta làm thế nào?  (Lấy số bị trừ trừ đi hiệu) | - HS trả lời |
| - Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?  (Lấy hiệu cộng với số trừ) | - HS trả lời |
| - Muốn tìm số trừ ta làm thế nòa?  (Lấy số bị trừ trừ đi hiệu) | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS làm vào bảng | - HS thực hiện |
| - Gọi HS chia sẻ bài | - 4 HS nêu kết quả và cách làm, lớp theo dõi nhận xét |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Tìm chữ số thích hợp |
| - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi  \*Lưu ý HS tìm các chữ số theo thứ tự từ phải sang trái, cần nhớ để tìm ra chữ số đúng. | - HS thực hiện theo nhóm đôi |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm. | - 2 HS lên bảng, lớp theo dõi nhận xét |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 3**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - GV cho HS phân tích bài toán theo quy trình:  + Bài toán cho biết gì?  (Tiền vé của cả bốn bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt là 320 000 đồng, tiền vé của Mi là 50 000 đồng. Rô-bốt đưa tờ tiền 500 000 đồng cho người bán vé.) | - HS nêu |
| + Bài toán hỏi gì?  (Hỏi người bán vé phải trả lại Rô-bốt bao nhiêu tiền?) | - HS nêu |
| + Làm thế nào để tính người bán vé phải trả lại Rô-bốt bao nhiêu tiền?  (B1: Tính tiền vé của 5 bạn.  B2: Tính số tiền người bán vé phải trả lại Rô-bốt = Tiền Rô-bốt đưa người bán vé (500 000) - Tiền vé của 5 bạn | - HS trả lời |
| - GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV quan sát, hỗ trợ. | - HS làm bài vào vở |
| - Gọi HS chia sẻ bài  Bài giải  Tổng số tiền vé của 5 bạn là:  320 000 + 50 000 = 370 000 (đồng)  Người bán vé phải trả lại Rô-bốt số tiền là:  500 000 – 370 000 = 130 000 (đồng)  Đáp số: 130 000 đồng | - 1 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét |
| - Ngoài cách trình bày trên em còn cách trình bày khác của bài toán không?  (Làm gộp thành 1 phép tính:  500 000 – (320 000 + 50 000) =  130 000 (đồng) | - HS trả lời |
| - GV nhận xét, chốt đáp án. |  |
| **Bài 4**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài cho biết gì?  (Rô-bốt viết số 2 130 574 lên bảng. Xóa đi một chữu số bất kì để thu được số có sáu chữ số) | - HS nêu |
| - Bài yêu cầu gì?  (a) Tìm số lớn nhất, số bé nhất có thể nhận được sau khi xóa.  b) Tìm hiệu của số lớn nhất và số bé nhất tìm được ở phần a) | - HS nêu |
| - GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.  - GV quan sát, hỗ trợ. | - HS thảo luận theo cặp. |
| - Gọi HS chia sẻ bài  a) Số lớn nhất có thể nhận được sau khi xóa là 230 574.  Số bé nhất có thể nhận được sau khi xóa là 130 574.  b) 230 574 - 130 574 = 100 000 | - 1 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm(3’)** |  |
| - GV tổ chức trò chơi: “Tìm nhà cho thỏ con”.  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc.  - Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số.  - Cần lưu ý gì khi thực hiện phép trừ có nhớ? | - HS thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe |
| - Chuẩn bị bài sau: Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 77)**

**ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về các thành tựu khoa học, công nghệ.

- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)** |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25’)**  **-** GV giải thích cho HS hiểu: thông tin khoa học và công nghệ là gì? *(Thông tin khoa học và công nghệ là dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức được tạo ra trong các hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.)* | - HS lắng nghe |
| - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm. | - HS đọc |
| - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu | - HS viết phiếu |
| - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những kiến thức hoặc phát minh khoa học công nghệ em đã đọc. | - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp |
| - GV động viên, khen ngợi HS |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:(3’)** |  |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe |
| - Em hãy chia sẻ với người thân về những thông tin khoa học công nghệ em đọc được từ sách báo. | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KÍ DUYỆT CỦA BGH & TỔ CHUYÊN MÔN**

.....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... ....................................................................................................................................

**TUẦN 12**

***Ngày giảng: Thứ Hai ngày 20 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 51)**

**TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng, hiểu được rằng khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

- Áp dụng được tính chất giao hoán để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.

- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - Quan sát tranh minh họa và cho biết có mấy nhân vật trong tranh?  (Có 4 nhân vật: Mi, mẹ của Mi, cô bán hàng và Mai)  - GV cho HS đóng vai theo tình huống trong sách giáo khoa  - Tại sao Mi lại nói “Con nghĩ là cũng thế ạ.”. Vậy nếu Mi mua 1 cái bánh và 1 cốc nước cam thì phải trả bao nhiêu tiền?  (15 000 + 20 000 = 35 000 (đồng))  + Mai mua 1 cốc nước cam và 1 cái bánh thì phải trả cô bán hàng 35 000 đồng, Mi mua 1 cái bánh và 1 cốc nước cam thì cũng phải trả cô bán hàng 35 000 đồng. Giá tiền mà 2 bạn phải trả là không đổi, là như nhau, đây là tính chất giao hoán của phép cộng. Vậy tính chất giao hoán của phép cộng được phát biểu thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay. | - HS nêu  - HS đóng vai |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (13’)** |  |
| **a)** Hỏi: + 1 cốc nước cam có giá bao nhiêu? (20 000 dồng)  + 1 cái bánh có giá bao nhiêu?  (15 000 đồng)  + Mai mua 1 cốc nước cam và 1 cái bánh thì phải trả bao nhiêu tiền?  (20 000 + 15 000 = 35 000 (đồng))  + Nếu Mi mua 1 cái bánh và 1 cốc nước cam thì phải trả bao nhiêu tiền?  (15 000 + 20 000 = 35 000 (đồng)) | - HS trả lời các câu hỏi |
| - So sánh kết quả của hai phép tính trên  (Bằng nhau: 20 000 + 15 000 = 15 000 + 20 000) | - HS thực hiện theo yêu cầu của GV |
| **b)** GV chiếu bảng và phát phiếu học tập  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu | - HS quan sát  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV |
| - Gọi các nhóm chia sẻ | - Các nhóm đọc kết quả |
| - Yêu cầu HS so sánh giá trị của biểu thức a + b và b + a trong từng trường hợp  (Bằng nhau) | - HS thực hiện |
| - GV kết luận: Giá trị của biểu thức a + b và b + a bằng nhau, ta viết:  a + b = b + a  Đây chính là tính chất giao hoán của phép cộng.  Phát biểu như sau: Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không đổi. | - HS lắng nghe |
| - Yêu cầu HS đọc lại tính chất | - HS nối tiếp đọc |
| **3. Luyện tập, thực hành(15’)** |  |
| **Bài 1**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Điền số) | - HS nêu |
| - GV yêu cầu HS làm vào vở, 3 HS lên bảng thực hiện | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. | - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp |
| - GV hỏi:  + Vì sao lại điền 729 là kết quả của phép tính 279 + 450?  (Áp dụng tính chất giao hoán của phép cộng: 450 + 279 = 729 thì 279 + 450 = 729)  + Phát biểu tính chất giao hoán của phép cộng | - HS trả lời |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Những thanh nào có độ dài bằng nhau) | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi | - HS thực hiện theo nhóm đôi |
| - Gọi đại diện các nhóm trình bày và giải thích tại sao các thanh đó có độ dài bằng nhau | - HS trình bày |
| - GV khen ngợi HS |  |
| **Bài 3**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Tính bằng cách thuận tiện nhất (theo mẫu)) | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS thực hiện ra nháp: Tính:  30 + 89 + 70 =?  (C1: 30 + 89 + 70 = 119 + 70 = 189  C2: 30 + 89 + 70 = 30 + 70 + 89  = 100 + 89 = 189) | - HS theo dõi và thực hiện |
| - Cách thực hiện nào nhanh hơn?  (Cách 2) | - HS trả lời |
| - Giới thiệu cách 2 là cách thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất. | - HS lắng nghe |
| 30 + 89 + 70 = 30 + 70 + 89, ta áp dụng tính chất gì? (giao hoán)  Từ đó ta thực hiện tính giá trị của biểu thức được 100 + 89 = 189  Tại sao lại đổi chỗ của số 70?  (Vì 30 + 70 = 100 thuận tiện cho việc tính toán) | - HS trả lời |
| - Để thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất ta làm thế nào?  (Áp dụng tính chất giao hoán của phép cộng) | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS trình bày vào vở | - HS làm vở |
| - Gọi HS chữa bài | - 4HS trình bày bẳng, lớp theo dõi nhận xét |
| - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. | - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp |
| - GV khen ngợi HS |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm(3’)** |  |
| - Nêu tính chất giao hoán của phép cộng. | - HS nêu. |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe |
| - Chuẩn bị bài sau: Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐẠO ĐỨC (Tiết 12)**

**BÀI 3: YÊU LAO ĐỘNG(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

- Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.

- Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

- Biết vì sao phải yêu lao động.

- Quý trọng người yêu lao động, không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

**-** Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***-*** Năng lực điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia hoạt động lao động.

-Chăm chỉ, biết thể hiện tình yêu lao động qua thái độ, lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy,SHS, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

- Bộ tranh về *Yêu lao động* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

- Câu chuyện, bài hát, trò chơi gắn với nội dung chủ đề.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

- SHS.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3’)**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời một vài HS chia sẻ trải nghiệm:  *+ Kể những việc em đã làm được khi ở nhà, ở trường.*  *+ Khi làm những việc đó, em cảm thấy như thế nào?*  - GV mời đại diện 2 - 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (Nếu có).  - GV khen ngợi những HS đã biết làm những công việc ở nhà và ở trường.  - GV kết luận và dẫn dắt HS vào bài: *Lao động đem lại những lợi ích to lớn cho chúng ta. Nhờ có lao động, con người được đáp ứng về vật chất và tinh thần. Bài học* ***“Yêu lao động”*** *sẽ giúp các em hiểu được những lợi ích của lao động và có những hành động cụ thể.*  **2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(28’)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập 1: Nhận xét các ý kiến***  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận với bạn để xác định  *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?*  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (Nếu có)  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *a. Đồng tình, vì lười lao động là hành động đáng bị lên án.*  *b. Không đồng tình, vì bất kể ai cũng phải lao động dù giàu có hay nghèo.*  *c. Đồng tình, vì lao động đem lại những giá trị tinh thần đáng quý cho con người.*  *d. Đồng tình, vì cần yêu quý những người lao động và yêu lao động.*  *e. Đồng tình, vì ai cũng có thể lao động, trẻ em có thể làm những việc phù hợp với khả năng của mình.*  ***Bài tập 2: Em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao?***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các nội dung trong SGK và xác định: *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *a. Đồng tình vì Long đã thể hiện là người biết tự giác làm công việc nhà.*  *b. Không đồng tình vì Kiên không có trách nhiệm với công việc mà bố giao.*  *c. Đồng tình vì Mai đã có những hành động tự giác tham gia công việc ở trường.*  *d. Không đồng tình vì Tuấn chỉ chọn việc nhẹ để làm và chỉ nghĩ đến bản thân mình.*  *e. Đồng tình vì Nam có thái độ vui vẻ khi làm việc.*  *g. Không đồng tình vì Hương đã lấy lý do để không phải lao động.*  **3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(5’)**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện là người lao động.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm câu chuyện về một tấm gương yêu lao động, đồng thời nêu những điều em học hỏi được từ tấm gương đó.  - GV mời một vài HS chia sẻ cảm xúc của em sau khi đã làm xong một công việc *(ở trường, ở nhà, ở nơi công cộng,...).*  *-* GV yêu cầu HS tự giác thực hiện các công việc ở nhà, ở trường phù hợp với khả năng của em, thực hiện và ghi vào bảng theo gợi ý dưới đây:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Việc em làm | Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu | Thứ Bảy | Chủ nhật | | Quét nhà |  |  |  |  |  |  |  | | Lau bàn ghế |  |  |  |  |  |  |  | | Gấp quần áo |  |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  |  |   - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Yêu lao động.*  + Thể hiện được hành động yêu lao động bằng việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  + Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi yêu lao động.  + Đọc trước *Bài 4 – Tôn trọng tài sản của người khác* (SHS tr.25). | - HS trả lời câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu, chuẩn bị vào bài mới.  .  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc theo cặp đôi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS tự đọc.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc theo cặp. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Ba ngày 21 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN(tiết 57)**

**TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết tính chất kết hợp của phép cộng, hiểu được rằng khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

- Áp dụng được tính chất kết hợp cùng tính chất giao hoán để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.

- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)**  - Phát biểu tính chất giao hoán của phép cộng. | - HS nêu |
| Ngoài tính chất giao hoán, phép cộng còn có tính chất kết hợp. Vậy tính chất kết hợp của phép cộng được phát biểu thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay. | - Lắng nghe |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (14’)** |  |
| **a)** - Quan sát tranh minh họa và cho biết có mấy nhân vật trong tranh?  (Có 4 nhân vật: Nam, Mai, Rô-bốt, chú phục vụ)  - Nêu giá tiền của các cốc nước.  (Nước dứa 45 000 đồng; nước nho  75 000 đồng; nước sấu dầm 25 000 đồng)  + Chú phục vụ mang ra mấy cốc nước? Loại nào?  (3 cốc nước: nước dứa, nước nho, nước sấu dầm)  + Bạn Nam đã tính tổng số tiền của 3 cốc nước thế nào?  (45 000 + 75 000) + 25 000  = 120 000 + 25 000 = 145 000  + Rô-bốt đã tính tổng số tiền của 3 cốc nước thế nào?  45 000 + (75 000 + 25 000)  = 45 000 + 100 000 = 145 000  + Nêu sự khác nhau của hai cách làm của hai bạn  + Kết quả nhận được có khác nhau hay không?  (Giống nhau) | - HS trả lời các câu hỏi |
| **b)** GV chiếu bảng và phát phiếu học tập  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu | - HS quan sát  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV |
| - Gọi các nhóm chia sẻ | - Các nhóm đọc kết quả |
| - Yêu cầu HS so sánh giá trị của biểu thức (a + b) + c và a + (b + c) trong từng trường hợp  (Bằng nhau) | - HS thực hiện |
| - GV kết luận: Giá trị của biểu thức (a + b) + c và a + (b + c) bằng nhau, ta viết:  (a + b) + c = a + (b + c)  Đây chính là tính chất kết hợp của phép cộng.  Phát biểu như sau: Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba. | - HS lắng nghe |
| - Yêu cầu HS đọc lại tính chất | - HS nối tiếp đọc |
| - Yêu cầu HS quan sát 2 cách tính của ví dụ a, trong 2 cách làm cách làm của bạn nào thuận tiện hơn, nhanh hơn?  (Cách của Rô-bốt thuận tiện hơn vì nhóm thành tổng của 2 số là số tròn trăm nghìn, thuận tiện cho việc tính toán) | - HS trả lời câu hỏi |
| GV: Sử dụng tính chất kết hợp để thực hiện tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất. | - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| **Bài 1**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Tính bằng cách thuận tiện nhất) | - HS nêu |
| - GV yêu cầu HS làm vào vở, 4 HS lên bảng thực hiện | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  a) 68 + 207 + 3 = 68 + (207 + 3)  = 68 + 210  = 278 | - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp |
| - GV hỏi:  + Để thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất em áp dụng tính chât nào của phép cộng?  (Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng)  + Khi thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất em cần lưu ý gì?  (Thực hiện nhóm các số thành tổng là số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,....) | - HS trả lời |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| - Bài yêu cầu làm gì?  (Tính giá trị của biểu thức (a + b) + c) | - HS nêu |
| - GV yêu cầu HS làm vào vở, 1 HS lên bảng thực hiện | - HS thực hiện |
| - Gọi HS nhận xét  (a + b) + c = (1975 + 1991) + 2025  = 3966 + 2025  = 5991 | - HS trình bày |
| - GV hỏi: Ngoài cách này ra còn có cách tính thuận tiện hơn không?  (Có (a + b) + c = (1975 + 1991) + 2025  = (1975 + 2025) + 1991  = 4000 + 1991  = 5991 | - HS trình bày, nhận xét |
| - GV khen ngợi HS |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| -GV tổ chức trò chơi: “Ong tìm hoa”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc. | - HS chơi trò chơi. |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe |
| - Chuẩn bị bài sau: Luyện tập |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 78)**

**ĐỌC: LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Làm thỏ con bằng giấy.*

- Nhận biết được thông tin quan trọng trong bài: (dụng cụ, vật liệu, các bước làm thỏ con bằng giấy…) Hiểu nội dung khái quát của bài đọc: Những hướng dẫn cụ thể để làm thỏ con bằng giấy.

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

- Nắm được cấu trúc của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc

- Biết cách sắp xềp các hoạt động khi thực hiện một công việc; biết vận dựng các điều đã được học vào thực tế và chia sẻ với mọi người xung quanh; biết trân trọng những đồ vật do mình tự làm ra.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  Bài cũ: Nêu cảm nghĩ của em về bài đọc trước và nêu 1 chi tiết mà em thích nhất trong bài đọc  - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Em biết làm những đồ chơi nào? Chia sẻ với bạn cách làm đồ chơi? | - HS thảo luận nhóm đôi |
| - GV gọi HS chia sẻ. | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (18’)**  *a. Luyện đọc:*  - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.  - Bài chia làm mấy đoạn?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(nét đứt, trang trí, vui sướng,...)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - Hướng dẫn HS đọc:  + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Dùng hai mép dán của mỗi hình chữ nhật/ để tạo đầu thỏ/ và thân thỏ;…  + Nhấn giọng ở một số từ ngữ chứa thông tin về dụng cụ, vật liệu, cách làm: Dùng hồ dán ...... để tạo....; Dùng bút màu vẽ mắt,.... thân thỏ. | - HS đọc  *- Bài chia làm 4 đoạn (theo các bước làm con thỏ)*  - HS đọc nối tiếp  - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp. | - HS luyện đọc |
| ***b. Tìm hiểu bài:***  - GV hỏi: *Dựa vào bài đọc, cho biết cần chuẩn bị những gì để làm con thỏ bằng giấy?* | - HS trả lời |
| - GV cho HS quan sát hình ảnh những đồ vật, nguyên vật liệu cần chuẩn bị: Băng dính, kéo, giấy trắng giấy màu, kim chỉ, keo dán, kéo... | - HS chỉ tranh và giới thiệu |
| - Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Để làm được con thỏ bằng giấy, cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính của mỗi bước?* | - HS thảo luận, ghi kết quả vào vở và chia sẻ (3 bước chính…)  Bước 1: Cắt  Bước 2: Dán  Bước 3: Vẽ |
| - *Dựa vào bài đọc, trình bày 1-2 bước làm con thỏ bằng giấy* | - HS trả lời |
| **Câu 4.** *Giới thiệu về chú thỏ con bằng giấy được nói đên trong bài đọc.*  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, quan sát chú thỏ trong tranh và đọc lại các bước làm chù thỏ con bằng giấy.  Yêu cầu HS xác định chủ đề chính của bài đọc. | -1 HS đọc câu hỏi.  - HS làm việc nhóm; đại diện nhóm chia sẻ: giới thiệu chú thỏ con về đặc điểm hình thức: Chú thỏ được làm bằng nguyên liệu gì? Hình dáng ra sao? Kích thước thế nào? Chú thỏ bằng giấy gồm những bộ phận gì?...) và cách làm chú thỏ: Để làm chú thỏ cần thực hiện may bước? Mỗi bước cần làm gì?...  - HS trả lời. |
| - GV kết luận, khen ngợi HS |  |
| **3. Luyện tập, thực hành: (10’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm | - HS lắng nghe |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - Em hãy nêu lại nguyên liệu, dụng cụ để làm con thỏ bằng giấy?  - Em hãy nêu các bước để làm 1đồ chơi khác bằng giấy mà em thích? | - HS trả lời. |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Về nhà làm con thỏ bằng giấy và những đồ chơi bằng giấy mà em biết.. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 79)**

**Luyện từ và câu: TÍNH TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái,...; biết dùng tính từ để miêu tả đặc điểm của sự vật.

- Nhận biết được từ chỉ đặc điểm theo yêu cẩu.

- Nói và viết được câu văn sử dụng tính từ

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  **-** GV hỏi: So sánh là gì? Đặt 1 câu có sử dụng biện pháp so sánh?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** 2-3HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (27’)**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì? | - HS đọc  - HS trả lời (*Tìm các từ ngữ chỉ mùi, vị, màu sắc,hình dáng, kích thước, âm thanh*) |
| - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập. | - HSlàm việc cá nhân; thảo luận và thống nhất đáp án |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Vị** của quả táo: ngọt, ngọt ngào, ngọt lịm, chua, chát,... | **Mùi hương** của hoa hồng: thơm, thơm lững, thơm ngát, thơm phức,... | **Kích thước** của một chú voi: to, cao, to lớn, to đùng,... | | **Màu** của mặt trời: vàng, cam, đỏ, hổng,... | **Hình dáng** của cầu vồng: cong, cong cong,... | **Âm thanh** trong giờ ra chơi: ồn, Ồn ào, ầm ĩ, xôn xao,... | | |
| - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu | - HS trả lời |
| - GV cùng HS nhận xét.  => *Các từ ngữ chỉ mùi, vị, màu sắc,hình dáng, kích thước, âm thanh… của sự vật hay hoạt động, trạng thái được gọi là Tính từ.*  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu: Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xếp vào nhóm thích hợp |
| - Yêu cầu HS xác định từ chi đặc điểm của sự vật; từ chi đặc điểm của hoạt động | - HS tự trả lời VD: vàng ruộm (là đặc điếm của sự vật “ánh nắng”), nhanh (là đặc điếm của hoạt động “lướt đi “ |
| - Tìm từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xác định đó là đặc điểm của sự vật nào, hoạt động nào?  - GV khen ngợi HS có cách giải thích đúng  - GV chốt lại: Tính từ là từ chỉ đặc điểm cúa sự vật, hoạt động, hạng thái  Thế nào là tính từ? Tính từ có tác dụng gì?  - Gọi HS đọc ghi nhớ | - HS trả lời; vàng ruộm, nâu sẫm, đỏ rực, xanh mướt (đặc điểm của *nắng)* thơm nồng (đặc điểm của *cánh đồng),* um tùm (đặc điểm của *vườn cây),* nhỏ xíu, tròn xoe, bé nhỏ (đặc điểm của *giọt sương).*  - nhanh (đặc điểm của hoạt động *lướt),* thoăn thoắt (đặc điểm của hoạt động *đổi màu),* kín đáo (đặc điếm của hoạt động *nấp),* nhè nhẹ, chậm rãi (đặc điểm của hoạt động *đậu xuống),* cao (đặc điểm của hoạt động *lên).*  - HS lắng nghe |
| **Bài 3:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS đọc Đặt câu có sử dụng 1 - 2 tính từ nói về đặc điểm của từng sự vật, hoạt động sau: (Bữa sáng của em; Bộ quần áo em thích; Một hoạt động trong giờ học…) |
| - Cho HS đặt câu vào vở; khuyến khích HS có thể tìm nhiều hơn 2 tính từ (càng nhiều càng tốt). | - HS đặt câu vào vở |
| - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. | - 3 – 4 HS đọc câu  VD: - Bữa sáng của em thơm phức, ngon lành, nóng hổi, giòn tan…  - Bộ quần áo em thích phẳng phiu, mềm mại, thơm tho; (áo) trắng tính, (quần) xanh thẫm;  - Một hoạt động trong giờ học: Hoạt động đóng kịch rất vui nhộn, thú vị/lâu/nhanh …. |
| - GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)**  - Chơi trò chơi: Đoán đổ vật.  - GV nêu trò chơi và luật chơi  - GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm hoặc cử 2 nhóm đại diện chơi với nhau  - GV tổng kết trò chơi và khen ngợi các đội chơi đoán đúng và nhanh. | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Tư ngày 22 tháng 11 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT(tiết 80)**

**Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm được cấu trúc của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc

- Viết được đoạn văn hướng dẫn các hoạt động khi thực hiện một công việc; biết vận dụng các điều đã được học vào thực tế và chia sẻ với mọi người xung quanh; biết trân trọng những đồ vật do mình tự làm ra.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - Nêu các bước để làm con thỏ bằng giấy?  => Để tìm hiểu cấu trúc và nội dung của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc, chúng ta học bài hôm nay…  - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. | - 2-3 HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (27’)**  **a/**  ***GV yêu cầu HS đọc bài hướng dẫn và thực hiện yêu cầu.***  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  - GV lưu ý HS đọc kĩ bài hưóng dẫn và phân tích các phần của bài viết theo đánh dấu trong SHS.  GV: Bài viết hướng dẫn làm chú nghé ọ bằng lá gồm các phần:  -Phần chuẩn bị  -Phần hướng dẫn thực hiện có hai bước:  + Bước 1: Dùng kéo cắt hoặc dùng tay xé hai đường chéo theo gân lá  + Bước 2: Cuộn phần lá hai bên lại thánh hình tròn….  => Nêu cấu trúc và nội dung của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc? | - Thực hiện theo hướng dẫn  + Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc bài hướng dẫn và các câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời để trao đỗi trong nhóm.  + Bước 2: HS làm việc nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất câu trả lời cho các câu hỏi.  + Bước 3: Đại diện 2-3 nhóm phát biểu trước lớp |
| ***b/ Trao đổi về*** ***những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.***  ***-*** GV có thể chốt các ý mà HS cần nhớ khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.  + Cấu trúc bài viết: chuẩn bị, các bước thực hiện.  + Cách trình bày: trật tự các bước thực hiện được trình bày rõ ràng, cân đối.  + Từ ngữ diễn đạt: ngắn gọn, súc tích, đủ thông tin, rõ ràng, mạch lạc.  => Ghi nhớ (SGK) | - HS trao đổi nhóm 4 theo hướng dẫn của GV; tìm thêm những điểm cần lưu ý, cần biết, cần thể hiện trong bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc.  - Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.  - HS đọc to ghi nhớ về bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| -GV tổ chức trò chơi: “Học cùng Nobita”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc.  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi. |
| - Tìm đọc bài viết hướng dẫn cách làm một đồ chơi đơn giản và cùng người thân làm đồ chơi đó. (GV khuyên khích HS mang đồ chơi đã làm đến lớp đế giới thiệu với bạn bè ở buổi học sau.) |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHOA HỌC(tiết 24)**

**Bài 12: NHIỆT ĐỘ VÀ SỰ TRUYỀN NHIỆT(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Vận dụng được kiến thức nhiệt truyền từ vật nóng hơn sạng vật lạnh hơn để giải thích, đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản.

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, dụng cụ thực hành thí nghiệm hình 4

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:(3’)**  + Quan sát nhiệt kế đo nhiệt độ không khí trong lớp học và đọc số chỉ của nhiệt kế.  + Mở quạt máy hoặc điều hòa, yêu cầu HS dự đoán: Nhiệt độ trong lớp học sẽ tăng lên hay giảm đi? | - HS trả lời |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức:(27’)**  **HĐ3: Sự truyền nhiệt** |  |
| - Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 6, thực hành thí nghiệm (như SGK) | - HS thảo luận theo nhóm. |
| - GV chốt lại: Nhiệt có thể chuyển từ vật này sang vật khác. Vật có nhiệt độ cao hơn truyền cho vật có nhiệt độ thấp hơn. | |
| - GV gọi HS chia sẻ ứng dụng của sự truyền nhiệt: bảo quản thức ăn trong tủ lạnh, làm kem, dùng nước dá làm lạnh để vận chuyển thực phẩm đi xa,... | - HS nêu |
| ***\* Trò chơi:Ai nhanh, ai đúng?***  **Câu 1:** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: | - HS tham gia chơi. |
| A: Vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn. |  |
| B: Nhiệt kế dùng để đo vạt nặng hay nhẹ | - HS trả lời |
| C: Cốc nước mới rót từ tromg phích ra có nhiệt độ cao hơn cốc nước đã rót từ phích ra trước đó 15 phút | - HS trả lời |
| D: Vật có nhiệt độ thấp hơn truyền cho vật có nhiệt độ cao hơn. |  |
| **Câu 2:** Khi em bưng bát cơm nóng, nhiệt độ truyền từ vật nào tới tay em? |  |
| **Câu 3:** Vì sao khi em bị sốt, mẹ đắp khăn ướt lên trán em, một lát sau ít phút khăn ấm lên? |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| - Lấy ví dụ trong thực tiễn về sự truyền nhiệt. | - HS nêu. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ(tiết 23)**

**BÀI 10: MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS tìm hiểu lịch sử thông qua việc mô tả được một số nét văn hóa ở làng quê truyền thống và nhà ở của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- Năng lực: năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác,

- Phẩm chất: yêu nước, giữ gìn truyền thống, ham học hỏi, tìm tòi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (5’)**  GV trình chiếu cho HS quan sát hình 1 tr.46 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Quan sát bức tranh và dựa vào hiểu biết của em, hãy giới thiệu một số nét văn hoá tiêu biểu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ*.* | - HS trả lời |
| - GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu cho HS:  + Nét văn hóa tiêu biểu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là có các làng quê truyền thống đặc trưng của vùng. | - Lắng nghe |
| - GV giới thiệu- ghi bài | - Ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức: (25’)** |  |
| **2.1. Tìm hiểu về làng quê truyền thống**  - GV chia HS thành các nhóm và giao nhiệm vụ: Đọc thông tin (SGK tr.47) và quan sát các hình từ 2 đến 4, mô tả một số nét văn hoá nổi bật của làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ. | - HS thực hiện |
| - GV gọi đại diện 1 – 2 HS lên trình bày trước lớp. | - HS trình bày |
| - GV cho mỗi nhóm HS lựa chọn một không gian văn hoá để chia sẻ với các bạn. | - HS hoạt động nhóm |
| - GV nhận xét và chuẩn kiến thức cho HS.  + Hình 2. Cổng làng Đường Lâm (thành phố Hà Nội): Đây là hình ảnh một trong những cổng làng tiêu biểu ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Cổng làng là cửa ngõ ra vào làng, bên cạnh có cây đa toả bóng mát, nơi người dân dừng chân nghỉ ngơi, cũng là nơi trẻ em tụ tập cùng vui đùa, hóng mát,...  + Hình 3. Giếng nước ở Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình): Đây là hình ảnh một trong những giếng làng truyền thống ở Đồng bằng Bắc Bộ vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay. Giếng làng thường to, rộng, nằm ở vị trí giao thông thuận tiện của làng. Giếng nước là nơi cung cấp nước sinh hoạt, đồng thời cũng là nơi tắm, giặt của nhiều người dân trong làng.  + Hình 4. Đình làng Đình Bảng (tỉnh Bắc Ninh): Đây là một trong những ngôi đình cổ kính nhất của đất Kinh Bắc ở thành phố Từ Sơn (tỉnh Bắc Ninh) vẫn còn giữ được nguyên vẹn cho đến ngày nay. Đình được xây dựng vào đầu thế kỉ XVIII, thờ các vị Thành hoàng gồm: Cao Sơn đại vương (thần Núi), Thuỷ Bá đại vương (thần Nước) và Bách Lệ đại vương (thần Đất) cùng các vị thần có công lập làng. Đình có sân rất rộng, bằng phẳng, là nơi diễn ra nhiều hoạt động văn hoá chung của làng. | - HS lắng nghe. |
| **2.2. Tìm hiểu về nhà ở** |  |
| - GV tổ chức HS hoạt động theo hình thức cặp đôi, giao nhiệm vụ cho HS: Khai thác thông tin (SGK tr.48) và hình ảnh trong mục, em hãy:  + Mô tả nét chính về nhà ở truyền thống của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.  + Cho biết nhà ở hiện nay của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ có điểm gì khác với nhà ở truyền thống? | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| - GV yêu cầu nhóm trình bày kết quả và chốt:  + Hình 5: Nhà ở truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ: Đây là hình ảnh ngôi nhà truyền thống ở huyện Chương Mỹ (thành phố hà Nội) hiện nay vấn được lưu giữ. Trước đây, ngôi nhà truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường được đắp bằng đất hoặc xây bằng gạch, mái lợp lá hoặc ngói. Nhà thường có ba gian hoặc năm gian tùy vào điều kiện kinh tế và các thành viên trong gia đình. Gian chính là nơi thờ cúng và tiếp khách. Hai gian bên gọi là buồng, dùng làm phòng ngủ hoặc chứa thóc, gạo, đồ dùng, ...Những tấm liếp trước hiên nhà được đan bằng tre, nứa, ... đẻ che nắng, mưa.  + Hình 6: Nhà ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay: Đây là hình ảnh những ngôi nhà ở hiện nay của người dân thôn Tầm Tang (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). HÌnh ảnh cho thấy sự khác biệt với ngôi nhà truyền thóng, nhà ở được xây bằng gạch, nhiều tầng, khang trang, hiện đại. | - HS trình bày |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| - GV cho HS so sánh hình ảnh hai bức hình với nhà ở hiện tại của HS và kể cho cả lớp nghe. *(nhà chung cư, nhà biệt thự, nhà vườn, ...)* | - HS kể |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày giảng: Thứ Năm ngày 23 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN(tiết 59)**

**TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Vận dụng gảii các bài tập và bài toán thực tế liên quan.

- Năng lực: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Trong tranh có mấy nhân vật? Gồm những ai? (Mi, Mai và Robot).  + Robot đã đưa ra phương án thế nào? | - HS trả lời |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (12’)** |  |
| - YC HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện theo gợi ý của Robot. | - HS thực hiện yêu cầu của GV. |
| - YC HS chia sẻ cách làm. | - Đại diện nhóm chia sẻ. |
| - YC thảo luận thêm cách giải khác. | - HS đưa ra cách giải khác. |
| - GV kết luận, YC HS ghi nhớ cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. | - HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (17’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - YC HS làm bài vào vở. | - HS làm bài vào vở. |
| - GV YC 2 HS lên bảng làm bài. | - 2 HS làm bài. |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS, chốt đáp án  Bài giải  Mẹ đem ra chợ bán số quả trứng gà là:  (80 + 10) : 2 = 45 (quả)  Mẹ đem ra chợ bán số quả trứng vịt là:  80 – 45 = 35 (quả)  Đáp số: trứng gà: 45 quả  Trứng vịt: 35 quả.  - GV YC HS đối chiếu đáp án và có thể hướng HS giải theo cách khác. | - HS lắng nghe. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - GV YC HS thảo luận nhóm đôi vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng để đưa ra đáp án. | - HS thực hiện yêu cầu. |
| - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. | - HS chia sẻ câu trả lời. |
| - GV chốt đáp án  Bài giải  Năm nay Mai có số tuổi là:  (15 + 3) : 2 = 9 (tuổi)  Năm nay tuổi của em Mi là:  15 – 9 = 6 (tuổi)  Đáp số: Mai: 9 tuổi  Em Mi: 6 tuổi.  - GV nhận xét và chữa một vài bài HS. | - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| -GV tổ chức trò chơi: “Học cùng Nobita”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc. | - HS chơi trò chơi. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT(tiết 81+82)**

**Đọc:** **BỨC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bức tường có nhiều phép lạ.* Biết đọc diễn cảm các từ ngữ và các đoạn hội thoại phù hợp vói tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

-Hiểu được nội dung bài; Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Để làm một bài văn nói chung và văn miêu tả nói riêng, chúng ta cấn phối hợp giữa quan sát thực tế và tưởng tượng, tái hiện lại những hình ảnh đã từng gặp trong trí nhớ.

- Biết đọc diễn cảm lời của các nhân vật trong câu chuyện;

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV gọi HS đọc bài *Làm*  *thỏ con bằng giấy* nối tiếp theo đoạn. | - HS đọc nối tiếp |
| - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: SGK | - HS trả lời |
| - GV nhận xét  - Hãy nói về một điều tường tượng mà em mong là có thật (Tranh minh họa)  *-* Giới thiệu bài mới. | - 2-3 HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức: (50’)**  *a. Luyện đọc:*  - GV đọc mẫu toàn bài.  - Bài có thể chia làm mấy đoạn?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(tả lại, nhìn thẳng, phép lạ, đúng lúc...)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. | - HS lắng nghe, theo dõi  - Bài chia làm 3 đoạn:  Đoạn 1: từ đầu đến *bảo Quy cách làm bài*  Đoạn 2: Tiếp đến *trời đang nắng thì mưa*  Đoạn 3: Còn lại  - HS đọc nối tiếp |
| - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc.  VD: *Quy ngồi vào bàn,/ nhìn lên bức tường/ và thấy chiếc thuyền giấy trôi bông bềnh giữa sân,/ những vai áo ướt sũng nước mưa của người đi cày/ những hạt mưa đan nhau rơi xuông rào rào.* | - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. | - HS luyện đọc |
| *b. Tìm hiểu bài:*  - GV hỏi: **Câu 1.** *Tìm chi tiết tả không gian nơi Quy đang ngồi học?* | - HS trả lời *(Chi tiết tả không gian Quy ngồi học: Quy nhìn lên bức tường trước mặt. Màu vôi xanh mát hiện ra như tấm màn ảnh rộng)* |
| - Yêu cầu thảo luận theo cặp:  **Câu 2.** *Hành động và suy nghĩ nào của Quy cho biết Quy đang gặp khó khăn với bài làm văn?* | - HS thảo luận N4 và chia sẻ:  +*Hành động:* Quy chống tay, tì má, đọc nhẩm đề bài tập làm văn, thở dài  *+suy nghĩ* : Trời thì nắng mà bài văn lại yêu cầu tả mưa. |
| **Câu 3.** *Điểu gì khiến Quy nghĩ bức tường vôi xanh có phép lạ?* | - HS thảo luận N4 và chia sẻ:  Vì Quy quan sát thấy bố thường tì cằm lên tay, nhìn vào bức tường một hồi rồi cầm bút viết lia lịa, nên Quy nghĩ bức tường có phép lạ, có thể gợi ý cho bố cách viết văn. |
| **Câu 4. Vì** *sao bố kể cho Quy nghe về những trận mưa?* | - HS thảo luận N2, chọn đáp án và giải thích  Đại diện nhóm trình bày: Đáp án: c. *Vì bố muốn gợi cho Quy nhớ lại những trận mưa mà Quy đã gặp.* |
| **Câu 5.** *Theo em, vì sao Quy có thế làm được bài văn mà không cần nhìn bức tường có nhiều phép lạ nữa?*  - Nhận xét, bổ sung, khen ngợi HS  - GV kết luận: Như vậy, để làm một bài văn miêu tả, đầu tiên cần phải quan sát vả ghi nhớ những điều mình đã quan sát, sau đó tái hiện trong đầu, kết hợp với tưởng tượng, dùng ngôn ngữ để tả lại những gì được tái hiện. Việc quan sát là vô cùng quan trọng khi muốn làm một bài văn miêu tả tốt. | -HS thảo luận N4 , có thể ghi chép câu trả lời dưới dạng Sơ đồ tư duy - Đại diện nhóm trình bày: Quy làm văn mà không cần nhìn vảo bức tường có nhiều phép lạ. Vì Quy đã hiểu ra cách làm một bài văn tả cơn mưa là cần dựa vào những gì mình đã quan sát và ghi nhớ được, sau đó kết hợp với trí tưởng tượng và dùng từ ngữ để thể hiện những điểu đó. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| **4. Luyện tập theo văn bản đọc** |  |
| *Câu 1: Tìm 3- 5 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật hoặc hoạt động có trong bài Bức tường có nhiều phép lạ.*  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. | - Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật: *xanh mát, rông, tài, bé tí,...*  - Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động: (nhìn) *thẳng,* (viết) *lia lịa,* (trôi) *bồng bềnh,* (rơi) *rào rào, cắm cúi* (viết)... |
| *Câu 2: Viết 2-3 câu tả một cơn mưa, trong đó có sử dụng tính từ tả tiếng mưa.* | - HS làm việc các nhân. HS xung phong chữa bài.  VD: Cơn mưa ào đến, tiếng mưa rào rào/đồm độp/ lộp bộp trên mái tôn.  - Tiếng mưa tí tách suốt ngày đêm |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| -GV tổ chức trò chơi: “Học cùng Nobita”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc.  - Để làm một bài văn miêu tả em cần chú ý những gì? | -HS chơi trò chơi.  - Để làm một bài văn miêu tả, đầu tiên cần phải quan sát vả ghi nhớ những điều mình đã quan sát… |
| - GV cùng HS nhận xét và sửa câu.  - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày giảng: Thứ Sáu ngày 24 tháng 11 năm 2023***

**TOÁN (Tiết 60)**

**TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Vận dụng, củng cố cách giải bài toán tím hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó vào giải một số bài toán trong thực tế.

- Củng cố, mở rộng dạng toán ẩn tổng (hiệu).

- Năng lực: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)**  - GV yêu cầu HS trả lơi:  ? Nêu lại cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. | - HS chia sẻ câu trả lời: |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (28’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - YC HS thảo luận nhóm đôi. | - HS thực hiện. |
| - Tổ chức cho HS chia sẻ đáp án. | - Đại diện các nhóm chia sẻ. |
| - YC HS nhận xét. | - HS nhận xét. |
| - GV chốt câu trả lời:  Bài giải  Lớp học võ đó có số bạn nữ là:  (40 – 10): 2 = 15 (bạn)  Lớp học võ đó có số bạn nam là:  40 – 15 = 25 (bạn)  Đáp số: Nam: 25 bạn  Nữ: 15 bạn. | - HS trả lời. |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. (HS có thể giải theo cách khác). |  |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - YC HS làm bài vào vở | - HS thực hiện yêu cầu. |
| - GV YC HS chia sẻ cách làm. | - HS chia sẻ. |
| - YC HS nhận xét. | - HS nhận nét. |
| - GV chốt câu trả lời:  Bài giải  Nửa chu vi hình chữ nhật là:  40 : 2 = 20 (cm)  Chiều dài hình chữ nhật là:  (20 + 4) : 2 = 12 (cm)  Chiều rộng hình chữ nhật là:  20 – 12 = 8 (cm)  Đáp số: chiều dài: 12 cm  Chiều rộng: 8 cm | - HS trả lời. |
| - GV nhắc lại cho HS kiến thức về nửa chu vi. |  |
| **Bài 3:**  - YC HS đọc đề bài. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Tìm biểu thức phù hợp và tính giá trị của mỗi biểu thức. |
| - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4. | - HS thảo luận. |
| - Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả. | - Đại diện nhóm chia sẻ kết quả. |
| - Tổ chức cho HS nhận xét. | - HS nhận xét. |
| - GV nhận xét, chốt đáp án.  Bài giải  Đợt thứ nhất có số học sinh tham quan là:  (175 + 15): 2 = 95 (học sinh)  Đợt thứ hai có số học sinh tham quan là:  175 – 95 = 80 (học sinh)  Đáp số: Đợt thứ nhất: 95 học sinh  Đợt thứ hai: 80 học sinh |  |
| **Bài 4:**  - YC HS đọc đề bài. | - HS đọc |
| - GV hướng dẫn HS phân tích bài.  ? Bài cho biết gì? (cho biết tổng và chưa biết hiệu)  ? Đề bài yêu cầu tìm hai số thế nào? (hai số lẻ)  ? Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị? (2 đơn vị).  ? Vậy hiệu hai số lẻ liên tiếp là bao nhiêu? (là 2). | - HS lắng nghe |
| - YC HS làm bài vào vở. | - HS làm bài. |
| - Tổ chức cho HS chia sẻ cách làm (có nhiều cách, HS giải thích cách làm). | - HS trả lời. |
| - GV nhận xét chung, chốt đáp án  Bài giải  Số bé là: (20 – 2) : 2 = 9  Số lớn là: 20 – 9 = 11  Đáp số: số lớn: 11, số bé: 9 |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3’)** |  |
| - YC HS tính số học sinh nam và nữ của trường mình theo số liệu cô giáo cung cấp. | - HS làm bài. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾNG VIỆT(tiết 84)**

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ CHUYỆN NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe hiểu câu chuyện *Nhà phát minh và bà cụ,* kể lại được câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời GV kể).

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống để đem lại niềm vui cho chính bản thân và mọi người xung quanh.

- Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu: (3’)** |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (27’)**  **\* Nghe kể chuyện và ghi lại những sự việc chính.**  + GV giới thiệu nhân vật Ê-đi-xơn và bà cụ trong câu chuyện.  + GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ tranh  + GV kể câu chuyện (lần 2)  **=>** Em ấn tượng nhất với sản phẩm nào do Ê-đi-xơn tạo ra? | - HS đọc yêu cầu 1.  - HS lắng nghe |
| - Tổ chức cho HS ghi lại những sự việc chính của câu chuyên | - Dựa vào tranh và phần kê chuyện của GV, HS ghi lại những sự việc chính của câu chuyện.  + Sự việc 1: Mọi người đến xem đèn điện do Ê-đi-xơn chế tạo ra.  + Sự việc 2: Ê-đi-xơn nói chuyện vói bà cụ và nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện.  + Sự việc 3: Ê-đi-xơn đang chế tạo, làm lốp xe diện.  + Sự việc 4: Ê-đi-xơn và bà cụ đang ngồi trên xe điện, khuôn mặt bà cụ rất vui tưoi.  - Một số HS phát biểu ý kiên trước lớp |
|  | - HS viết phiếu |
| **\* Kể lại câu chuyên.**  - GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS cách thực hiện  - GV động viên, khen ngợi HS | + Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và tập kể lại đoạn đó  + Bưóc 2: HS tập kể trong nhóm (nhóm 4) và nghe các bạn góp ý.  + Bước 3: 1 - 2 HS kể trước lớp theo đoạn hoặc cả câu chuyện. |
| **\* Tìm hiểu Ý nghĩa câu chuyện:**  - Thảo luận nhóm 4:Điều em ấn tượng nhất về nhà phát minh Ê-đi-xơn là gì? Vì sao?  - GV khích lệ và khen ngợi HS  => Nhà phát minh Ê-đi-xơn đã vận dụng kiến thức vào cuộc sống để đem lại niềm vui cho chính bản thân và mọi người xung quanh. | - HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp  VD: Điều em ấn tượng nhất về nhà phát minh Ê-đi-xơn là ông rất yêu khoa học; Nhà phát minh Ê-đi-xơn rất giàu lòng thương người; Nhà phát minh Ê-đi-xơn không những rất giỏi về khoa học mà còn luôn gần gũi, thân thiện với mọi người |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (5’)** |  |
| -GV tổ chức trò chơi: “Học cùng Nobita”  -GV nêu luật chơi.  -GV tổ chức chơi trò chơi.  -GV nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc.  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi. |
| - Em hãy chia sẻ với người thân về câu chuyện, nêu cảm nghĩ về câu chuyện đó.  *-* Tìm đọc một cầu chuyện về nhà khoa học để chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng ở Bài 24. | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (Nếu có):**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KÍ DUYỆT CỦA BGH & TỔ CHUYÊN MÔN**

.....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

..................................................................................................................................... **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***